THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par l'Association Vietnam Fraternité - 7 allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Adresse Web : http://www.ethongluan.org - Directeur de la publication : Nguyễn Văn Huy

ISSN 11456-9557 - Số 275 - Năm thứ 25 - Tháng 12-2012

Liên lạc : Hộp thư Thông Luận (Internet) : **info@ethongluan.org**

Mua báo : **Nghiêm Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France**

Thư chủ nhiệm

Năm mới, giai đoạn mới

Số báo *Thông Luận* mà quí vị và các bạn đang cầm trên tay là số báo giấy cuối cùng bởi vì, cùng với năm 2013, *Thông Luận* sẽ bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn 100% điện tử. Số báo này cũng là dịp để :

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên và toàn ban biên tập Thông Luận gửi đến quí độc giả và thân hữu những lời chúc thân tình và tốt đẹp nhất cho một năm 2013 an khang, hạnh phúc, thành công trong mọi dự định riêng cũng như chung.

275 số báo ra hàng tháng, một phần tư thế kỷ tồn tại. Chưa có tờ báo ý kiến nào thọ đến thế tại Việt Nam. Trên thế giới cũng chỉ có rất ít tạp chí ý kiến sống lâu được như vậy. Nhưng *Thông Luận* không đình bản, nó chỉ chuyển sang giai đoạn thuần túy điện tử để tận dụng những phương tiện kỹ thuật nhanh hơn, mạnh hơn.

Bước sang một giai đoạn mới cũng là lúc để chúng ta cùng nhau nhìn lại quãng đường đã qua, những gì đã đạt được và những gì còn phải phấn đấu.

Những thành quả đã rất khả quan đối với một tờ báo có tham vọng làm một đột phá về tư tưởng chính trị cho đối lập dân chủ Việt Nam. Trong 25 năm qua, trên tờ báo này, nhiều ý niệm chính trị đã được làm sáng tỏ, một số từ ngữ cần thiết cho thảo luận chính trị cũng đã được khai sinh trong tiếng Việt. Quan trọng hơn là nhiều đồng thuận cần thiết cho cuộc vận động dân chủ đã đạt được.

Nhiều độc giả và thân hữu chắc chắn chưa quên những cuộc tranh cãi bốc lửa, đôi khi cáo buộc gay gắt đối với các lập trường dân chủ đa nguyên, hòa giải và hòa hợp dân tộc, đấu tranh bất bạo động trong những năm đầu. Hay khi những phê phán không khoan nhượng về văn hóa Khổng Giáo và về tâm lý tôn sùng bạo lực vừa được đưa ra. Ngày nay những ý kiến đó đã trở thành đồng thuận của cuộc đấu tranh giành tự do và dân chủ cho đất nước. Có lẽ chưa có tờ báo nào làm thay đổi tư tưởng chính trị của người Việt bằng *Thông Luận*. Kết quả đó đã có được bởi vì *Thông Luận* không cô đơn. Chúng tôi đã được sự hỗ trợ rất tận tình của độc giả và thân hữu và vì thế đã có thể kiên trì tiến tới.

Với tất cả khiêm tốn, phải nói rằng đoạn đường sắp tới sẽ còn nhiều cam go cho mục tiêu giành tự do và dân chủ cho đất nước. Các thế lực chuyên chính đã ngoan cố và u mê hơn chúng ta tưởng. Trong vài năm gần đây tình trạng nhân quyền tại nước ta không cải tiến mà còn xấu hẳn đi. Chính quyền cộng sản đã bộc lộ một chọn lựa điên dại là đứng hẳn vào quỹ đạo Trung Quốc, chống lại dân chủ và trắng trợn thách đố nhân dân Việt Nam và thế giới qua những vụ án chính trị cực kỳ thô bạo. Chọn lựa này không chỉ đe dọa chủ quyền của chúng ta trên Biển Đông, nó còn khiến nước ta nhanh chóng bị cô lập và mất đi thị trường và đầu tư của các nước dân chủ phát triển với hậu quả trước mắt là kinh tế sẽ sụp đổ. Dân tộc Việt Nam không có chọn lựa nào khác hơn là quả quyết chống lại chọn lựa phản quốc này.

Hiệp đấu gay go sắp tới đòi hỏi các phương tiện phải được sử dụng một cách hiệu quả nhất. Đó cũng là một lý do khiến dự án "100% Thông Luận điện tử" không nên trì hoãn thêm nữa. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng độc giả và thân hữu hữu đã hiểu và hưởng ứng quyết định hợp lý này.

Dân tộc Việt Nam đã chín muồi cho dân chủ trong một thế giới đang xóa bỏ những chế độ độc tài cuối cùng. Giai đoạn sắp tới tuy gay cấn nhưng kết quả đã có thể thấy trước. Việt Nam sẽ bước vào kỷ nguyên dân chủ.

Trong niềm tin đó, một lần nữa xin thay mặt Tập Hợp Chủ Đa Nguyên, toàn ban biên tập chúc quí thân hữu một năm 2013 an khang hạnh phúc.

Và chúng ta hẹn nhau trên e-Thông Luận.

Nguyễn Văn Huy

Tham luận :

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã chết

Nguyễn Gia Kiểng

Sự kiện quan trọng nhất năm 2012 đối với Việt Nam là một biến cố không được thông báo. Đó là cái chết của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nó đã đến như là kết quả của một tiến trình lão hóa và phân hóa chậm và liên tục.

Nói rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam đã chết chắc chắn không khỏi bị nhiều người cho là lộng ngôn. Trước mắt cả thế giới nó vẫn còn đó và còn đang gia tăng đàn áp. Tuy vậy cái thấy chưa chắc đã là cái có thực. Nó còn đó nhưng nó còn sống không ? Nó đàn áp hay một thế lực nào đó nhân danh nó để đàn áp ?

Một người chết lâm sàng có thể vẫn còn thở, tim có thể vẫn còn đập nhưng bộ óc đã ngưng hoạt động, không tri giác và không còn phản ứng được với thế giới bên ngoài.

Đó là đối với một con người. Đảng cộng sản là tổ chức và một chính đảng, cái chết của nó là cái chết của một chính đảng. Một tổ chức là sự kết hợp giữa những con người cùng theo đuổi một mục tiêu chung với cùng một phương thức. Đồng thuận về mục tiêu và phương thức là sức sống của một tổ chức. Khi đồng thuận không còn, dù vì người ta không đồng ý trên những mục tiêu hay vì không đồng ý trên cách đạt mục tiêu, thì tổ chức đã chết, ngay cả khi chưa tự giải tán. Một chính đảng là một tổ chức chính trị. Nó sống và chết như một tổ chức, chỉ khác một điều là đồng thuận của nó khó hơn vì mục tiêu của nó cao cả hơn và hành động của nó ảnh hưởng tới cả một dân tộc.

Kinh nghiệm của mọi quốc gia đã chứng tỏ rằng, một chính đảng chỉ có thể xây dựng và giữ gìn được nếu được quan niệm như một kết hợp để thể hiện một tư tưởng chính trị và để thực hiện một dự án chính trị. Khi không còn chức năng đó, nó không còn lý do tồn tại và số phận chờ đợi nó là một cái chết chắc chắn. Hy vọng duy trì một đảng cầm quyền bằng quyền lợi, nhất là quyền lợi bất chính, là một hy vọng hão huyền luôn luôn bị thực tế bác bỏ. Quyền lợi chỉ chia rẽ chứ không bao giờ đoàn kết những con người trong một chính đảng.

Vả lại, một chính đảng chỉ có thể có những phương tiện cần thiết để thực hiện mục tiêu chứ không thể có quyền lợi, bởi vì về bản chất nó là một môi trường để hy sinh và đóng góp chứ không phải để thụ hưởng. Cái chết của một chính đảng khác cái chết của một con người ở chỗ nó kéo dài và không có thời điểm chính xác. Đảng mất dần sức sống và chết đứng. Nếu là một đảng đối lập nó chìm dần vào quên lãng. Nếu là một đảng cầm quyền nó biến thành một hư cấu làm bình phong cho một chế độ độc tài cá nhân và tan biến tức khắc cùng với nhà độc tài bởi vì nó chỉ là một hư cấu.

Người ta đã thấy Tập Hợp Dân Chủ Hiến Định tại Tunisia và Đảng Quốc Gia Dân Chủ tại Ai Cập tan biến ngay sau khi Ben Ali và Mubarak bị hạ dù chúng đều là những đảng lâu đời và mới ngày hôm trước còn có hàng triệu đảng viên và hàng tỷ USD trong quỹ. Đó cũng đã là số phận của các đảng cộng sản Đông Âu và đảng Baas của Saddam Hussein tại Iraq. Lý do là vì chúng chỉ là những hư cấu. Chúng được duy trì chỉ vì một lý do đơn giản là các chế độ độc tài cá nhân đều không muốn thú nhận rằng chúng là những chế độ độc tài cá nhân.

Sự chuyển hóa sang độc tài cá nhân là một chặng đường tự nhiên trong tiến trình đào thải của một chế độ độc tài đảng trị. Và đó là điều đã xảy ra tại Việt Nam. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã mất lý tưởng sau ngày thống nhất khi mô hình Liên Xô mà Đại Hội IV, tháng 12 năm 1976, đã chọn thất bại một cách bi đát. Từ đó đảng cộng sản cai trị thuần túy bằng bạo lực như một lực lượng chiếm đóng và bắt đầu tiến trình phân hóa. Nó không còn dự án nào cho đất nước cả. Các cương lĩnh của các đại hội đảng kế tiếp nhau đều nhàm chán một cách tuyệt vọng. Chúng chỉ là những bản liệt kê những mục tiêu không biết dựa vào đâu mà có và làm thế nào để đạt tới, và được viết một cách gượng gạo. Tệ hơn nữa, chúng còn nhắc lại sự trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, một chủ nghĩa đã chết và bị lên án như một tội ác đối với nhân loại. Và rồi đảng dần dần biến thành một tập đoàn kinh doanh bất chính với những công ty và khách sạn. Tham nhũng vì thế gia tăng nhanh chóng như là hậu quả tất yếu của một đảng cầm quyền đã mất lý tưởng và đạo đức.

Năm 2012 đã chứng kiến cố gắng cuối cùng để hồi sinh đảng cộng sản. Tháng 10-2011, hội nghị trung ương 4 ra nghị quyết về *"Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"*. Những "vấn đề cấp bách" là tham nhũng, lãng phí và chiếm đoạt của công, mua quan, bán chức, chạy tội, chạy án, chạy bằng cấp. Sau đó là trọn một năm chật vật phê bình và tự phê bình. Một "hội nghị cán bộ toàn quốc" gồm 1000 đại biểu, trong đó có toàn bộ trung ương đảng, gần như một đại hội đảng giữa nhiệm kỳ, được triệu tập. Bộ chính trị và ban bí thư họp 21 ngày trong bốn đợt, ba tháng. Một ủy ban được thành lập để giúp bộ chính trị và ban bí thư nghiên cứu và đúc kết những báo cáo. Sau cùng là hai tháng chuẩn bị cho hội nghị trung ương 6, hội nghị kéo dài nhất trong lịch sử đảng. Tất cả với mục đích chỉnh đốn lại đảng để cứu đảng. Trong lịch sử các chính đảng khó có thể có cố gắng chỉnh đốn nào qui mô hơn. Nhưng kết quả đã chỉ là một con số không ; không một ai bị kỷ luật cả, kể cả thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng mà bộ chính trị qui trách nặng nề. Lý do ? Đảng cộng sản không thể làm gì cả vì không còn thực chất nào cả, nó chỉ còn là một hư cấu. Kết thúc hội nghị, tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khóc, khóc mếu máo như trong một đám tang người thân. Hơn ai hết, ông hiểu rằng đảng cộng sản không còn cứu vãn được nữa.

Người ta có thể nghĩ là để tôn trọng hình thức việc khiển trách hay bãi nhiệm thủ tướng và các bộ trưởng là công việc của quốc hội, ngay cả một quốc hội bù nhìn. Nhưng kỳ họp quốc hội sau đó cũng chẳng có gì, tuyệt đối không có gì. Năm 2012 đã chứng tỏ mọi cố gắng phục hồi đảng đều vô vọng.

Cũng có thể là Nguyễn Tấn Dũng sẽ bị loại trong thời gian tới. Ông quá tệ. Nhưng nếu như thế thì kết quả cũng chỉ là thay thế chính quyền của ông Dũng bằng chính quyền của một người hay một nhóm người khác. Vai trò đảng cộng sản cũng sẽ không thay đổi, vì không thể thay đổi. Đó vẫn là một vai trò của một xác chết chưa chôn. Đảng cộng sản đã chết, chết đứng.

Tại sao cần hiểu là đảng cộng sản đã chết ?

Một kết luận là để đừng mất thì giờ và công sức cho những kiến nghị với Đảng, hay trăn trở tìm cách chấn chỉnh Đảng. Vô ích và vô duyên. Giải pháp cho đất nước chỉ có thể tìm thấy ngoài đảng cộng sản.

Nguyễn Gia Kiểng
(tháng 12/2012)

Tham luận

Quyền con người

Nguyễn Gia Kiểng

LTS. *Theo yêu cầu của một số độc giả chúng tôi đăng lại sau đây bài "Quyền con người" của Nguyễn Gia Kiểng. Bài này tuy đã viết cách đây 8 năm nhưng hoàn toàn không có thời gian tính. Nó là một nghị luận cần thiết trên một khái niệm cơ bản của cuộc vận động dân chủ.*

Quyền con người, cũng như tự do, dân chủ và môi trường, đã trở thành những giá trị phổ cập không thể chối cãi. Ngay cả các chế độ bạo ngược nhất cũng không còn phản bác sự đúng đắn của quyền con người nữa.

Chúng ta có thể mừng rằng cuộc tranh luận về quyền con người đã ngã ngũ, quyền con người đã được nhìn nhận là một giá trị phổ cập. Nhưng cũng chính vì không còn thảo luận nữa mà quyền con người có nguy cơ trở thành mơ hồ ; người ta cảm nhận như là một điều hiển nhiên nhưng không thể giải thích một cách minh bạch và do đó không thể tranh đấu cho nhân quyền một cách thuyết phục và hiệu lực. Chưa kể là còn có thể không hiểu đúng và lý luận lệch lạc. Đây không phải chỉ là một giả thuyết, trong nhiều trường hợp đã thực sự có những phát biểu rất đáng buồn. Có những người tuyên bố chỉ tranh đấu cho nhân quyền chứ không "làm chính trị" ; họ coi hoạt động nhân quyền như một hành động từ thiện mà quên, hay không biết, rằng nhân quyền bao giờ cũng *thuần túy* là một vấn đề chính trị. Tệ hơn nữa, còn có người tự nhận là tranh đấu cho dân chủ nhưng lại phân biệt những quyền cấp một (gồm quyền được ăn no, mặc ấm, săn sóc sức khỏe và những quyền tương tự) cần được thỏa mãn ngay, và những quyền cấp hai (gồm các quyền tự do chính trị và văn hóa) có thể trì hoãn, mà không hiểu rằng ngay cả những chính quyền độc tài cũng không còn lý luận như vậy nữa. Những quyền gọi là "cấp một" thực ra chỉ là quyền con vật chứ không phải quyền con người. Bản *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền*, được cả thế giới văn minh nhìn nhận, không có sự phân biệt này. Vấn đề chỉ là chọn đứng về phía thế giới văn minh hay chọn làm đồng lõa với những chế độ chà đạp nhân quyền mà thôi. Và tại sao, vì lý do siêu hình nào, căn cứ vào kinh nghiệm cụ thể nào, các quyền tự do chính trị và văn hóa lại mâu thuẫn với cơm no áo ấm ?

Sự thiếu kém tư tưởng của người Việt Nam biểu lộ qua chính một danh xưng đã thành thói quen : bản *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền*. Cụm từ này được dùng để dịch cụm từ Universal Declaration of Human Rights (tiếng Pháp là Déclaration Universelle des Droits de l'Homme). Dịch như vậy không những sai mà còn trái nghĩa. Universal có nghĩa là phổ cập, nghĩa là phải được coi là đúng ở mọi nơi, bởi mọi người. Quốc tế (International) là giữa các nước. Đáng lẽ phải gọi là *Tuyên Ngôn Phổ Cập Về Quyền Con Người* hay *Tuyên Ngôn Toàn Cầu Về Nhân Quyền*. Từ "quốc tế" không những chỉ sai mà còn phản nghĩa vì nó làm người ta hiểu lầm rằng nhân quyền là một vấn đề trong bang giao giữa các quốc gia mà không kể đến những gì xảy ra trong mỗi quốc gia, trong khi đây là văn kiện khẳng định quyền của mỗi *cá nhân*. Về nội dung nó là một *bản tuyên ngôn của tự do cá nhân*, không phân biệt quốc tịch, địa lý, chủng tộc, hay bất cứ một tiêu chuẩn nào, mà mọi người, mọi đoàn thể và mọi nhà nước phải tôn trọng (1). Những lẫn cẫn và sai lệch như vậy chứng tỏ rằng thảo luận lại để nhìn rõ hơn về quyền con người vẫn còn cần thiết.

Cụm từ "quyền con người", hay nhân quyền, đặt ra ít nhất bốn câu hỏi : Con người mà chúng ta nói đến là con người nào? Ai ban phát những quyền này và nhân danh cái gì ? Những quyền con người là những quyền nào ? Tất cả những quyền ấy có ngang hàng với nhau không, hay có những quyền phải được tôn trọng một cách tuyệt đối, tức khắc và toàn diện, và những quyền khác chỉ có thể thỏa mãn theo từng hoàn cảnh ?

Câu hỏi "con người nào ?" không giản dị như người ta tưởng. Đã phải mất hơn hai thế kỷ tranh cãi người ta mới đạt tới câu trả lời dứt khoát : đó là mỗi cá nhân, không phân biệt theo bất cứ tiêu chuẩn nào. Đó là tôi, là bạn, là bất cứ *mỗi người* nào mà chúng ta có thể gặp, hoặc biết tới, hoặc nghĩ tới. Con người phổ cập này một mặt khá trừu tượng vì không chỉ định riêng một cá nhân nào cả, nhưng mặt khác lại rất cụ thể vì thể hiện một cách toàn diện trong mỗi cá nhân. Đây là một vấn đề triết lý tế nhị. Tại Tây Âu và Hoa Kỳ, con người này, *mà đặc tính cốt lõi là phải được nhìn nhận và tôn trọng vì có những quyền căn bản không thể xâm phạm*, dù đã manh nha với Phật giáo, Thiên Chúa giáo và tư tưởng cổ Hy Lạp, đã chỉ được thực sự thai nghén từ thế kỷ 16, giai đoạn cuối của thời Phục Hưng, và ra chào đời cuối thế kỷ Ánh Sáng (thế kỷ 18), trong đó sự xuất hiện của đạo Tin Lành một cách vô tình đã góp phần đáng kể. Các nước châu Á và châu Phi chỉ thực sự biết đến cá nhân sau khi tiếp xúc với phương Tây. Trước khi cá nhân xuất hiện chỉ có *con người thành viên* của một đoàn thể hay một đẳng cấp nào đó. Con người thành viên này không có sự hiện hữu độc lập và những quyền riêng biệt.

Sự ra đời của con người phổ cập này đã rất khó khăn, sự trưởng thành của nó cũng khó khăn không kém. Cho đến cuối thế kỷ 20, và một phần nào đó ngay trong lúc này, vẫn còn có những người không thừa nhận sự hiện hữu của cá nhân độc lập. Hai triết gia lớn cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19 là Edmund Burke và Joseph de Maistre phủ nhận con người phổ cập, mà họ gọi "con người trừu tượng", một cách quyết liệt. Đối với họ chỉ có con người thuộc một chủng tộc, một quốc gia, một tôn giáo hay một giai cấp mà thôi. Trong suốt hai thế kỷ 19 và 20, Karl Marx và trường phái của ông cũng phủ nhận một cách thù ghét cá nhân và chủ nghĩa cá nhân. Marx định nghĩa cá nhân như là "*con người tách biệt khỏi xã hội*" và đồng hóa nó với sự vị kỷ. Các chế độ cộng sản không biểu quyết bản *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền* và chà đạp trắng trợn con người không khác gì các chủ nghĩa phát-xít, quốc xã.

Cá nhân (individu), tức con người phổ cập, đã chỉ được nhìn nhận và tôn trọng (ít nhất trên lý thuyết) nhờ hai sự kiện : một là các nước dân chủ, lấy chủ nghĩa cá nhân làm nền tảng, đã thành công hơn hẳn các chế độ chuyên chính chà đạp con người ; hai là các tiến bộ về khoa học và nhân chủng học đã chứng minh được rằng quả nhiên có một giống người, khác hẳn với các động vật khác, có cấu tạo như nhau, những khả năng bẩm sinh như nhau, những bản năng, ước vọng và suy tư giống nhau, và chia sẻ với nhau một số giá trị chung. Có thể nói khám phá trọng đại nhất của loài người đã là khám phá ra chính mình, khám phá ra cá nhân.

Những gì vừa nói trên đây có thể bị một số người coi là mông lung. Họ lầm. Sự không biết đến cá nhân đã có những hậu quả, triết lý cũng như cụ thể, rất trầm trọng.

Một thí dụ là trường phái Lãng Mạn (Romanticism) tại châu Âu đã bị trôi dạt rất xa khỏi tinh thần khởi đầu của nó chỉ vì sự thiếu vắng của cá nhân. Trường phái này bắt đầu bằng một tuyên ngôn tự do tuyệt đối : "Tôi không cần phải giống ai cả, tôi không bị ràng buộc vào một hệ thống giá trị nào cả, tôi tự tạo cho mình những giá trị của riêng mình". Tôi tự cho tự do tuyệt đối để sáng tạo. Nhưng "tôi" là ai ? Vào lúc đó (thế kỷ 17) cá nhân chưa xuất

hiện, vả lại trường phái Lãng Mạn đã phủ nhận cá nhân khi khẳng định "tôi không giống ai cả", trong khi nền tảng của khái niệm cá nhân chính là niềm tin có một giống người trong đó mỗi thành viên có những khả năng giống nhau và chia sẻ một số giá trị. Sự thiếu vắng cá nhân đã tức khắc biến cái tôi lãng mạn thành cái tôi tập thể : nhà nước, đảng, tôn giáo. Cái tôi mà người ta tuyên bố giải phóng lúc ban đầu chẳng còn gì cả, nó chỉ như viên gạch trong một lâu đài, và chỉ có lâu đài là đáng kể. Cái tự do tuyệt đối bất chấp mọi giá trị mà người ta định dành cho "tôi" biến thành tự do tuyệt đối của tập thể, đúng hơn là quyền muốn làm gì cũng được của người cầm quyền. Từ đó nảy ra những khẩu hiệu "*tổ quốc trên hết*", "*đảng đã quyết định như thế*", "*dân làm chủ*" nhưng "dân" không là ai cả mà chỉ có người đại diện toàn quyền là đảng và nhà nước. Đảng và nhà nước không thể sai vì không bị ràng buộc bởi một hệ thống giá trị nào cả. Lenin đã nói một câu chắc nịch như nhát búa của đạo phủ : "*Đạo đức là những gì tốt cho đảng cộng sản*", các tín đồ của Lenin tại Việt Nam cũng ngạo nghễ không kém : "*Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội*" (phải hiểu : chống chủ nghĩa xã hội là phản quốc). Sự vắng bóng của cá nhân đã khiến cho trường phái Lãng Mạn, một phong trào có mục tiêu giải phóng và sáng tạo lúc ban đầu, biến thành nhà hộ sinh cho những chủ nghĩa chuyên chính cộng sản, phát-xít, quốc xã Đức, quân phiệt Nhật. Đây là sự hoại loạn (perversion) lớn nhất trong lịch sử tư tưởng thế giới.

Một thí dụ khác. Nước Pháp thường tự hào là quê hương của nhân quyền. Họ coi bản *Tuyên Ngôn Quyền Con Người và Quyền Công Dân* (Déclaration des Droits de l'Homme et du Citoyen) năm 1789 có giá trị tương đương với bản *Tuyên Ngôn Độc Lập* của Hoa Kỳ năm 1776. Điều này sai, điểm khác biệt lớn giữa hai văn kiện này là định nghĩa con người. Con người trong bản tuyên ngôn của Hoa Kỳ là cá nhân, vừa phổ cập và trừu tượng vì không là riêng ai, vừa rất cụ thể vì có thể là bất cứ người nào trên thế giới. Con người trong bản tuyên ngôn của Pháp là một công dân Pháp. Người Pháp cũng đề ra những quyền căn bản và phổ cập của con người, nhưng hầu như họ chỉ nhìn nhận những quyền này cho người Pháp. Thái độ này thể hiện một cách cụ thể trong tư tưởng chính trị Pháp : cho đến thế chiến II Pháp là một đế quốc thực dân, thực hiện dân chủ tại nước họ nhưng chà đạp nhân quyền tại các thuộc địa. Người dân các thuộc địa không được nhìn nhận là *công dân* (citoyen) Pháp, họ chỉ được coi là *thần dân Pháp* (sujet français). Hoa Kỳ, cái nôi thực sự của quyền con người và chủ nghĩa cá nhân, không có thuộc địa. Nước Anh, gần với văn hóa Mỹ hơn, tuy cũng có thuộc địa nhưng đối xử với các thuộc địa theo một tinh thần rất khác với Pháp. Họ coi mối liên hệ với các thuộc địa là liên lạc thương mại ; nếu cần họ giúp các thuộc địa lập ra các quốc gia để làm những đối tác bình đẳng với họ, như trường hợp Úc, Canada, Mã Lai và Ấn Độ. Họ tôn trọng quyền con người trong các thuộc địa bởi vì họ có ý niệm rõ ràng về cá nhân. Đối với họ, con người là con người. Đối với Pháp, con người trước hết là người Pháp, người Ý, người Việt, người Congo, v.v. (2).

Những thí dụ trên cho thấy vai trò nền tảng của cá nhân và chủ nghĩa cá nhân. Vắng bóng cá nhân những tư tưởng tốt đẹp cũng trở thành bệnh hoạn.

Ai ban phát quyền con người và nhân danh cái gì ?

Câu hỏi này giản dị hơn nhiều so với câu hỏi "con người nào ?" trên đây. Bản *Tuyên Ngôn Độc Lập* của Hoa Kỳ trả lời một cách giản dị và dứt khoát : thượng đế tạo ra con người và ban cho con người những quyền cơ bản, không thể bị tước đoạt, không thể chuyển nhượng và không thể tiêu hao với thời gian. Khẳng định này rập khuôn theo tư tưởng chính trị của John Locke (1632-1704). Có những câu được chép gần như nguyên văn từ tác phẩm *Tổng Luận Về Chính Quyền Dân Sự* (Second Treaty of Civil Government) của ông. Như vậy thượng đế là căn bản chính đáng của quyền con người và vì thượng đế là tối cao nên quyền con người cũng là tối cao, và là quyền tự nhiên.

Bản *Tuyên Ngôn Quyền Con Người và Quyền Công Dân* năm 1789 dựa trên một nền tảng chính đáng khác : đó là "các đại biểu của nhân dân Pháp họp thành đại hội" tuyên bố các quyền con người và công dân với sự chứng giám của Đấng Tối Cao (l'Être Suprême). Như vậy tính chính đáng của tuyên ngôn này bị giới hạn. Trước hết là về tính phổ cập, nếu những quyền này do một hội đồng đại biểu của nhân dân Pháp quyết định thì một hội đồng đại biểu của một dân tộc khác (thí dụ dân tộc Libya) cũng có quyền qui định một cách khác. Mặt khác lại có thêm khái niệm "công dân", một khái niệm chính trị và một tư cách do chính quyền nhìn nhận, như vậy không áp dụng cho những người không được coi là công dân. (Ở đây xin mở một ngoặc đơn để chú thích về một vấn đề từ ngữ chính trị Việt Nam. Khái niệm *xã hội dân sự* (civil society) được một số tác giả dịch ra tiếng Việt là "xã hội công dân". Tôi không đồng ý với cụm từ này ; một người dù không được nhà nước cộng sản Việt Nam coi là công dân vẫn là một người và do đó vẫn có những quyền cơ bản, một trong những quyền này là quyền tham dự vào các đoàn thể, nghĩa là hiện diện trong xã hội dân sự). Sau cùng, ngay trọng nội bộ một dân tộc, cái gì một hội đồng quyết định thì sau đó một hội đồng khác có thể bãi bỏ, Đấng Tối Cao có hiện diện hay không cũng bất lực. Tóm lại, tính chính đáng của bản T*uyên Ngôn Quyền Con Người và Quyền Công Dân* của Pháp bị giới hạn cả về không gian lẫn thời gian.

Những quyền con người trong Tuyên Ngôn Độc Lập của Mỹ như vậy có tính chính đáng vững mạnh hơn nhiều. Nhưng bản tuyên ngôn này lấy thượng đế làm nền tảng chính đáng cho quyền con người nên một câu hỏi được đặt ra : nếu tôi không phải là tín đồ Thiên Chúa giáo và không tin ở sự hiện hữu của thượng đế thì sao ? Ngay từ thế kỷ 17, giữa một châu Âu Thiên Chúa giáo, đã có những nhà tư tưởng (như Grotius) tuyên bố dõng dạc "*dù có Thượng Đế hay không thì những quyền cơ bản của con người vẫn thế*". Bản *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền* (cụm từ sai lầm đáng tiếc này đã trở thành thông dụng !) một phần nào đã giải quyết trên lý thuyết nền tảng chính đáng của quyền con người : đó là cộng đồng các quốc gia, thay mặt cho Nhân Loại, tự khẳng định những quyền căn bản của con người. Đây là một bước tiến lớn của loài người trên lộ trình tự giải phóng mình và khẳng định chính mình. Tuy nhiên bước tiến này vẫn chưa đủ xa và đủ mạnh, bởi vì Liên Hiệp Quốc vẫn còn chấp nhận những thành viên chà đạp trắng trợn quyền con người, như Trung Quốc, Việt Nam, Cuba và nhiều nước khác ; đại biểu các nhà nước này nhiều khi hiện diện ngay trong ủy ban nhân quyền của Liên Hiệp Quốc. Như vậy thì cuộc chinh phục tự do của con người vẫn chưa xong.

Tương lai sẽ ra sao ? Cần nhận định một cách dứt khoát là các quyền căn bản qui định trong *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền* này - tự do cư trú, tự do chọn lựa nghề nghiệp, tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận và thông tin, tự do thành lập và tham gia các tổ chức, tự do bầu cử và ứng cử, v.v. - định nghĩa rõ rệt một chế độ dân chủ. Bản tuyên ngôn này cũng chính là *Tuyên Ngôn Dân Chủ*. Như vậy, quyền con người sẽ chỉ được thể hiện trọn vẹn khi dân chủ trở thành trật tự mới của thế giới. Chúng ta có mọi lý do để tin tưởng rằng trật tự này sẽ được thực hiện trễ nhất là trong một hai thập niên nữa. Lúc đó thế giới sẽ quả thực bước vào thời đại văn minh.

Những quyền nào và theo thứ tự nào ?

Câu hỏi này phức tạp hơn và sẽ luôn luôn cần được thảo luận và cập nhật. Một cách tóm lược ta có thể phân biệt hai loại quyền : những "*quyền không bị*" (freedoms from / droits-libertés) và những "*quyền được có*" (freedoms to / droits-créances).

Những *quyền không bị* là những quyền căn bản tối thiểu : không bị xâm phạm tới cơ thể, gia đình, tài sản ; không bị cấm

đoán phát biểu lập trường, thu nhận và phổ biến thông tin ; không bị cấm cản thành lập và tham gia các tổ chức, ứng cử và bầu cử, v.v. Những quyền này qui định một không gian cá nhân mà nhà nước hay bất cứ ai không thể xâm phạm. Đó là những quyền tự do căn bản.

Những *quyền được có* là những gì cá nhân có thể đòi hỏi ở cộng đồng, đặc biệt là nhà nước, thí dụ như quyền được có một lợi tức bảo đảm một mức sống xứng đáng về thực phẩm, sức khỏe, nhà ở ; được hưởng giáo dục miễn phí, được trợ cấp sinh đẻ và nuôi con, được có công ăn việc làm và được hưởng một số ngày nghỉ có trả lương, v.v. (những điều 23, 24, 25 và 26 của *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền)*.

Tùy theo thứ tự ưu tiên dành cho hai loại quyền này mà tự do hay bình đẳng được coi trọng hơn. Những *quyền không bị* bảo đảm tự do, trong khi những *quyền được có* có mục đích bảo đảm một mức độ bình đẳng nào đó để tự do không phải chỉ là một khái niệm trừu tượng và có thể rỗng nghĩa đối với những người yếu đuối hoặc thiếu may mắn (quyền tự do đi du lịch ở Bahamas có ý nghĩa gì khi tôi không có tiền ngay cả để mua thực phẩm ?). Cuộc thảo luận về ưu tiên giữa hai loại quyền đã rất gay go, có lúc dữ dội, đôi khi đẫm máu. Các chế độ cộng sản đã hứa hẹn những *quyền được có* và nhân danh lời hứa không hề được thực hiện này để xóa bỏ những *quyền không bị*.

Một cách khách quan và lương thiện, chúng ta có thể đưa ra một vài nhận định. Trước hết, thực tế cho thấy các xã hội tôn trọng tự do cũng là những xã hội phồn vinh nhất và tự do không phải là hậu quả mà là nguyên nhân của phát triển, bởi vì các xã hội dân chủ và phát triển đã chọn tự do kể từ lúc họ chưa phát triển, như Hoa Kỳ từ ngày lập quốc, và nhờ đó đã phát triển nhanh. Nhân quyền và dân chủ chưa bao giờ ngăn cản một dân tộc trở thành giàu mạnh. Đây là một tin vui vì nó chứng tỏ khả năng lớn của con người. Con người tự do có khả năng làm ra những phép mầu. Mặt khác, các *quyền được có*, dù không ai có thể phủ nhận tinh thần quảng đại của chúng, cần được quan niệm một cách dè dặt. Chúng ta chỉ có thể đòi hỏi nhiều ở nhà nước nếu ngược lại chúng ta chấp nhận cho nhà nước khá nhiều quyền. Càng đòi hỏi ở nhà nước bao nhiêu thì càng phải chấp nhận một nhà nước kềnh càng bấy nhiêu và không gian cá nhân càng bị thu hẹp bấy nhiêu. Và quyền lực đẻ ra tham nhũng và lạm quyền, với hậu quả là áp bức và nghèo khổ. Nhà nước tốt nhất vẫn là một tối thiểu, chỉ còn lại vấn đề thế nào là tối thiểu, một vấn đề tế nhị. Phải hết sức thận trọng đối với nhà nước. Con người nói chung vừa mong manh vừa không thông thái. Nếu không được bảo đảm một không gian tự do cá nhân bất khả xâm phạm, nó có nguy cơ bị giảm thiểu đến chỗ không còn gì. Từ chỗ *làm cho* người dân, người cầm quyền rất dễ đi đến chỗ *làm thay cho* người dân, suy nghĩ thay cho người dân, quyết định những gì là tốt cho người dân, những gì người dân nên biết và không nên biết, phải làm và không được làm. Các *quyền được có* đã là lý cớ để các chế độ cộng sản, quân phiệt, phát-xít, quốc xã tước bỏ những quyền phải có, nghĩa là những *quyền không bị*, tạo ra những tai họa kinh khủng trong thế kỷ 20.

Chìa khóa để giải đáp bài toán này không phải là kỹ thuật mà là triết lý. Một lần nữa chúng ta không được quên một yếu tố căn bản : con người, với tất cả những khả năng, thiếu sót và yếu kém của nó. Con người có giới hạn cho nên không thể xây dựng ra được những xã hội tuyệt hảo. Những giá trị cao quí nhất thường mâu thuẫn với nhau. Chọn tự do tuyệt đối, chúng ta để cho kẻ mạnh đàn áp kẻ yếu, sói ăn thịt cừu ; chọn bình đẳng tuyệt đối, chúng ta phải cấm kinh doanh để đừng ai giàu có hơn ai và đóng cửa các trường đại học để đừng ai thông thái hơn ai. Cũng thế, sáng tạo mâu thuẫn với ổn định, công lý không phải lúc nào cũng thể hiện được sự bao dung. Chúng ta luôn luôn phải thỏa hiệp, đó là bắt buộc của loài người. Tìm thỏa hiệp tối ưu là nghệ thuật và sự quyến rũ của hoạt động chính trị.

Nếu cần phải có một nguyên tắc cho hoạt động chính trị để đừng bị trôi giạt như người đi biển không la bàn thì ta có thể nói : con người phải được tôn trọng trước hết, xã hội sẽ phải làm tối đa cho mỗi thành viên trong chừng mực khả năng của nó. Nói khác đi, các quyền tự do căn bản, các *quyền không bị* phải được tôn trọng trước, các *quyền được có* sẽ ngày càng tăng, và sẽ mãi mãi tiếp tục tăng lên, cùng với sự gia tăng phồn vinh của xã hội. Một xã hội quảng đại nhất cũng chỉ có thể cho những gì nó có.

Tranh đấu cho nhân quyền

Một người bạn ở Mỹ rất tận tụy tranh đấu cho nhân quyền trong gần hai thập niên qua ghé Paris thăm tôi mùa hè này. Anh đặt câu hỏi : "Tại sao nhân quyền bị chà đạp tại Việt Nam như vậy mà chúng ta vẫn chưa có được một phong trào nhân quyền mạnh ?".

Chính tôi cũng đặt một câu hỏi tương tự : "Tại sao chế độ cộng sản đã kéo dài ba mươi năm rồi mà chúng ta vẫn chưa hình thành được một tập hợp dân chủ có tầm vóc ?". Chắc chắn là dân tộc Việt Nam đã quá mệt mỏi vì nghèo khổ và vì đã trải qua một cuộc chiến dài và đẫm máu, nhưng một phần của câu trả lời có lẽ là chúng ta chưa nhìn rõ vấn đề. Chúng ta vẫn còn phân biệt nhân quyền và chính trị, đấu tranh cho nhân quyền và đấu tranh cho dân chủ, và do đó phân tán lực lượng. Nhân quyền bao giờ cũng là một vấn đề chính trị. Một tổ chức nhân quyền quốc tế như Amnesty International hoặc Human Rights Watch có thể phi chính trị, bởi vì họ bảo vệ nhân quyền cho các nước khác, nhưng cuộc tranh đấu vì nhân quyền, tức là vì tự do, dân chủ, cho chính nước mình không thể nào khác hơn là một cuộc đấu tranh chính trị. Cả hai tài liệu gốc rễ của bản *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền* - *Tuyên Ngôn Độc Lập* của Hoa Kỳ năm 1776 và *Tuyên Ngôn Quyền Con Người và Quyền Công Dân* năm 1789 của Pháp - đều là thành quả của những đấu tranh chính trị rất khốc liệt.

Sau cùng, để tạm kết luận, chúng ta cần lưu ý tới ý nghĩa triết học của chính khái niệm "*quyền*". Quyền thuộc về luật và vì thế nó phải thẳng thắn, nó không thể chấp nhận thỏa hiệp trên những điểm cơ bản, nếu không nó không còn là quyền. Quyền luôn luôn đối nghịch với thực tại ; nhân danh thực tại để hy sinh quyền là một thái độ đầu hàng hèn nhát ; quyền đòi hỏi nhìn thực tại với con mắt của con người chứ không chấp nhận để nhìn con người từ thực tại ; sự phản kháng là cốt lõi của quyền. Quyền cũng không thể chấp nhận sự vô lý ; nó là thành quả của trí tuệ và nó không thể tách ra khỏi sự hợp lý vì trí tuệ là nền tảng chính đáng của nó. Những gì đúng với khái niệm quyền lại càng đúng với quyền con người bởi vì đó là những quyền bắt buộc nhất. Trong cuộc tranh đấu cho nhân quyền, cũng là tranh đấu cho dân chủ, lập trường đúng nhất là không nhân nhượng, đòi hỏi thực hiện tức khắc và trọn vẹn các quyền tự do cơ bản. Đừng sợ rơi vào bẫy giáo điều, quyền con người chỉ là qui luật tự nhiên của sự sống.

Nguyễn Gia Kiểng

Chú thích :

(1) Bản tuyên ngôn này, cùng với hai công ước, *Cộng Ước về các Quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa* và *Công Ước về các Quyền Dân Sự và Chính Trị*, được gọi chung là *Công Ước Quốc Tế về Quyền Con Người* (International Bill of Human Rights) qui định những điều mà các nhà nước phải tôn trọng trong các quan hệ với nhau. Tuy nhiên tự bản thân nó bản *Tuyên Ngôn Phổ Cập về Quyền Con Người* là một tuyên ngôn về quyền của mỗi cá nhân.

(2) Cho đến nay tư tưởng chính trị Pháp vẫn còn khá xa lạ với khái niệm con người phổ cập. Cựu tổng thống Pháp Jacques Chirac đã nhắc lại nhiều lần rằng dân chủ là một xa xỉ phẩm đối với các nước chưa phát triển. Lời tuyên bố này đã chỉ gây phẫn nộ nơi một số trí thức.

Tùy bút :

Giã từ báo giấy Thông Luận

Việt Hoàng

Dù rằng đã biết trước nhưng vẫn buồn. Nguyệt san *Thông Luận* báo giấy sẽ chính thức đình bản sau số báo cuối cùng mà quí vị đang có trên tay, số báo tất niên năm 2012. *Thông Luận* không những là cơ quan ngôn luận của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, một tổ chức chính trị đối lập của người Việt với lịch sử ra đời vừa tròn 30 năm, mà còn là tờ báo giấy chuyên đề về khoa học-chính trị duy nhất của người Việt tại Châu Âu.

Như anh Nguyễn Văn Huy, chủ nhiệm của *Thông Luận* đã thưa cùng quí vị trong số báo 271 - "Chuẩn bị cho lời từ giã" - rằng đây là một quyết định cần thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa và thời đại của interrnet. Báo giấy đã phải nhường chỗ cho báo điện tử, ngay cả những tờ báo danh tiếng hạng nhất như tờ *Newsweek* cũng sẽ chính thức đình bản sau ngày 31-12-2012 này, nghĩa là cùng một lúc với báo giấy Thông Luận.

Nhu cầu, phương pháp, điều kiện cung cấp thông tin cho độc giả và cách xử lý và tiếp cận các nguồn thông tin từ báo chí chính thống cũng như từ các nguồn tin trên mạng interrnet của người dân đã thay đổi hoàn toàn. Thay vì thụ động ngồi chờ giới báo chí cung cấp thông tin và định hướng, giờ đây, mỗi người dân cũng có thể làm công việc của báo giới là cung cấp thông tin của mình thu thập được cho độc giả và người đọc cũng hoàn toàn có thể tự xử lý được những thông tin mà mình có được bằng cách kiểm tra, đối chiếu và tham khảo trên các nguồn tin khác qua công cụ tìm kiếm *google*.

Nguyệt san *Thông Luận* đã làm tròn bổn phận của nó, đúng như anh Nguyễn Văn Huy viết : "*Sở dĩ báo giấy* Thông Luận *vẫn còn được duy trì là bởi vì nó không phải là một tờ báo như mọi tờ báo. Nó đã là tờ báo khai phá về lý luận và tư tưởng chính trị. Nó đã là tờ báo đầu tiên mạnh mẽ cổ võ cho dân chủ đa nguyên, phương thức đấu tranh bất bạo động, tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc - những ý niệm gần như bị đồng thanh bác bỏ lúc ban đầu nhưng ngày nay đã trở thành đồng thuận nền tảng của cuộc vận động dân chủ. Nhiều khái niệm chính trị quan trọng cũng đã được khai sinh hoặc củng cố.*

Báo giấy Thông Luận xứng đáng được hưởng một cái nhìn đặc biệt. Chính vì thế mà nó đã được duy trì lâu hơn hẳn thời gian cần thiết. Từ Thông Luận số 1 ra ngày 01-01-1988 tới số báo cuối cùng, Thông Luận số 275, tháng 12-2012, nó đã tròn 25 tuổi, một kỷ lục sống lâu mà chưa một tờ báo ý kiến nào của Việt Nam có được và cũng rất ít tờ báo ý kiến nào trên thế giới có được. Báo giấy Thông Luận đình bản sau khi đã hoàn thành sứ mệnh của nó một cách đẹp đẽ".

Độc giả, những người đặt mua thường xuyên báo *Thông Luận*, cũng không phải là những độc giả bình thường, họ là những độc giả đặc biệt. Họ là những người bạn thân thiết của Thông Luận, tình cảm và những gửi gắm của họ đến Thông Luận và Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên chính là nguồn cổ vũ và động viên lớn lao đến ban biên tập Thông Luận và khiến tờ báo kéo dài cho đến tận hôm nay. Và cũng chính tình cảm của độc giả báo Thông Luận đã khiến việc quyết định đình bản tờ báo này gặp nhiều phân vân và day dứt. Tuy nhiên "*Đây chỉ là một thích nghi cần thiết với tình huống mới để tận dụng mọi tài nguyên và phương tiện cho mục tiêu mà chúng ta cùng theo đuổi : vận động dân chủ hóa đất nước*".

Trong suốt 30 năm tồn tại và phát triển của mình, ngay từ những ngày đầu tiên cho đến tận bây giờ, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên vẫn trung thành và nhất quán với đường lối và phương châm hoạt động của mình là "ôn hòa, dân chủ đa nguyên và hòa giải dân tộc". Thực tế đã chứng minh rằng mọi phương pháp khác mà nhiều tổ chức chính trị và nhiều cá nhân đã thực hiện trong thời gian qua nhằm dân chủ hóa đất đã không mang lại kết quả sau cùng như mọi người mong muốn. Phương pháp đấu tranh chính trị của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đề ra, có lẽ, do quá mới mẻ và chưa từng được thực hành ở Việt Nam nên có người vẫn hoài nghi và vì thế chúng tôi chưa nhận được sự ủng hộ ở mức độ cần thiết từ phía người dân Việt Nam, đặc biệt là từ tầng lớp trí thức tinh hoa, là thành phần mà chúng tôi hy vọng nhiều nhất và nhắm đến trước tiên.

Thật lòng mà nói, chúng tôi cũng chưa làm được nhiều như chính chúng tôi và chắc cả nhiều độc giả mong muốn. Thông tin và những ý tưởng của chúng tôi cũng chưa được truyền bá rộng rãi đến các tầng lớp dân chúng. Không phải cư dân mạng nào cũng biết và ghé thăm *Thông Luận* thường xuyên. Vì như đã trình bày, *Thông Luận* là tờ báo khai phá về lý luận và tư tưởng chính trị nên nó khô khan và khó đọc với những độc giả lên mạng chỉ để tìm kiếm thông tin. Tuy rằng những bài báo xuất hiện trên Thông Luận luôn được chọn lựa cẩn thận với nhiều tác giả nổi tiếng trong và ngoài nước.

Chúng tôi có buồn nhưng không nản chí vì chúng tôi tin vào trí tuệ và sự hiểu biết của người dân Việt Nam. Trước đây Phan Chu Trinh, một nhà tư tưởng lỗi lạc của Việt Nam, với một đường lối đấu tranh tương tự như lập trường mà Tập Hợp theo đuổi, cùng từng bị thất bại vì đi trước thời đại của mình quá xa.

Ngày hôm nay, đất nước Việt Nam đang đứng trước ngưỡng cửa của sự thay đổi. Việt Nam đã thực sự bị lỡ tàu, bị thế giới văn minh bỏ rơi một lần nữa vì sự ngạo mạn và sự u mê của những người lãnh đạo. Những giai đoạn khó khăn nhất đang chờ nhân dân Việt Nam ở phía trước. Kinh tế Việt Nam khó tránh khỏi một cuộc khủng hoảng toàn diện. Tuy đau đớn và không ai mong muốn

nhưng trước sau gì rồi nó cũng phải đến. Dù có những mất mát và đổ vỡ nhưng chính đây là sự khởi đầu cho một sự thay đổi bắt buộc phải đến. Vấn đề là người dân Việt Nam có đứng dậy được sau khi bị ngã hay không ? Trí thức Việt Nam đã sẵn sàng cho một sự thay đổi hay chưa ?

Dù sớm hay muộn, dù thuận lợi hay khó khăn, dù bất cứ trong hoàn cảnh nào, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cũng sẽ mãi mãi đồng hành cùng nhân dân Việt Nam. Chúng ta sẽ cùng chung tay mở ra một thời kỳ mới, thời kỳ của tự do và dân chủ cho dân tộc Việt Nam.

Báo giấy *Thông Luận* đình bản để báo điện tử *Thông Luận* đến với độc giả một cách mạnh mẽ hơn, phong phú hơn vì được dành những phương tiện lớn hơn. Hy vọng mọi người sẽ tiếp tục tìm đến với *Thông Luận* để tìm đến với nhau, chia sẻ với nhau về một dự án chung cho đất nước, đồng thuận với nhau về con đường mà dân tộc sẽ đi đến trong tương lai.

Tạm biệt *Thông Luận*, chúng tôi không thể không nhắc đến và tri ân những người đã gắn bó với Thông Luận trong suốt 25 năm qua. Đó là các chủ nhiệm trước : anh Bùi Quang Hiếu (1988-1990), anh Phạm Ngọc Lân (1991-1996), anh Vũ Thiện Hân (1997-1999), anh Diệp Tường Bảo (2000-2002) và từ năm 2003 đến nay là anh Nguyễn Văn Huy.

Người chủ nhiệm gần gũi với tôi nhất là anh. Anh Nguyễn Văn Huy, sinh năm 1953 tại Đà Lạt - cựu sinh viên Chính Trị Kinh Doanh Đà Lạt, khóa 8 (1971-1975) ; thành viên Mặt Trận Dân Tộc Tiến Bộ (1977-1979) do bác sĩ Nguyễn Đan Quế thành lập, bị bắt giam từ 1979 đến 1981 - định cư tại Pháp năm 1983 theo diện thuyền nhân, tị nạn chính trị. Tại Pháp, anh tiếp tục theo đuổi mục ntiêu dân chủ hóa đất nước bằng phương pháp bất bạo động. Anh gia nhập Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, phân bộ Paris, là thành viên ban biên tập báo Thông Luận giấy từ năm 1989 và đảm nhiệm chức vụ chủ nhiệm nguyệt san *Thông Luận* (giấy) từ năm 2003 đến nay.

Mặc dù phải đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như giám đốc hành chánh và tài chánh một công ty dịch vụ tin học, giám đốc hành chánh và tài chánh Hội Chữ Thập Đỏ tỉnh Val d'Oise và trưởng phòng hành chánh tài chánh Nha giáo dục và đào tạo tỉnh Seine et Marne, anh Nguyễn Văn Huy vẫn dành thì giờ cho Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, đặc biệt là cho tờ báo giấy *Thông Luận*.

Bên cạnh đó, tốt nghiệp tiến sĩ dân tộc học năm 1997, anh Nguyễn Văn Huy còn là giảng viên bộ môn Đông Nam Á học tại Đại học Paris 7 từ 1995 đến 1999 và là thuyết trình viên chuyên đề về các sắc tộc tại Đông Nam Á trong những buổi hội thảo chuyên nghiệp.

Ngoài những bài viết về các chủ đề liên quan đến ngành dân tộc học như các sắc tộc tại Việt Nam (Hoa, Thượng, Chăm, Khmer, Hmong, Thái, Nùng…), sự hình thành các vùng biên giới Việt Nam, anh còn là một nhà phân tách chính trị - xã hội và là nhà bình luận thời sự. Anh đã được các đài phát thanh Việt ngữ (RFI, RFA, VOA, BBC, v.v.) mời phát biểu về các đề tài liên quan đến các sắc tộc Đông Nam Á, thời sự tại châu Âu.

Ngày nay, trên báo Thông Luận, anh Huy hay viết những bài nghiên cứu và bình luận sâu rộng, tham chiếu chính xác về chính sách, về lực lượng quốc phòng, kinh tế thương mại của Trung Quốc cũng như Việt Nam. Anh Huy là người tiên phong trong việc cảnh báo sự lấn át của ảnh hưởng Trung Quốc, sau khi đã mua chuộc các lãnh đạo địa phương ở Châu Phi, hầu như thay thế vị trí cũ của Tây Phương trên lục địa này.

Độc giả báo giấy *Thông Luận* chắc hẳn khó quên được những bài xã luận sắc bén hàng tháng và những bài tham luận sâu sắc của Nguyễn Gia Kiểng, một nhà tư tưởng hàng đầu của Việt Nam, một chính trị gia uy tín và cũng là thủ lĩnh, linh hồn của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Đằng sau một con người bình dị là một trí tuệ uyên bác và một tâm tồn trẻ trung với một khả năng làm việc năng động và dẻo dai đến kinh ngạc dù ông đã bước sang tuổi 70. Sự dấn thân của ông cũng như tấm lòng của ông đối với đất nước luôn là nguồn động viên, và khích lệ lớn lao cho toàn thể anh chị em trong Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Những tên tuổi quen thuộc xuất hiện thường xuyên trên báo giấy Thông Luận như Phạm Việt Vinh, Việt Hoàng, Phan Bá Việt, Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Gia Dương, Nguyễn Gia Thưởng, Tiến Hồng… chắc cũng để lại cho độc giả những tình cảm tốt đẹp về tư duy, kiến thức, đạo đức và tình cảm, cũng như tấm lòng luôn trăn trở với quê hương. Tất cả anh em chúng tôi sẽ vẫn còn tiếp tục trao đổi với độc giả trên báo điện tử Thông Luận. Tuy vậy là sao chúng tôi không buồn khi nghĩ tới những độc giả vì tuổi tác không còn đọc được báo điện tử nữa. Các vị này không nhiều, nhưng lại là những người mà chúng tôi trân quí nhất. Chắc chắn chúng tôi sẽ phải làm một cái gì đó cho họ. Tôi nghĩ tới một tuyển tập định kỳ.

Chúng tôi cũng cám ơn các tác giả, độc giả và thân hữu đã chia sẻ với chúng tôi những phút vui buồn theo dòng thời sự trên tờ báo giấy Thông Luận này. Chuyển sang 100% điện tử là bắt đầu một giai đoạn mới với những thử thách mới. Chúng tôi tin rằng cùng nhau chúng ta lại sẽ thành công. Chúng tôi hy vọng sự tiếp tay và giúp sức của tất cả mọi người, trong cũng như ngoài nước trong việc phổ biến tư tưởng và lập trường của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đến với nhân dân Việt Nam. Nhất là các bạn trẻ.

Mọi sự thay đổi trong hòa bình chỉ có thể thành công khi một ý kiến đã chín muồi khiến một thay đổi bắt buộc phải đến, nghĩa là khi một mong muốn đã đạt được đồng thuận cao trong mọi tầng lớp dân chúng. Đất nước ta đã chín muồi cho một cuộc chuyển hóa về dân chủ. Chúng tôi sẽ có mặt trong cuộc đổi đời vĩ đại này.

Việt Hoàng

Tìm hiểu quá khứ :

Hùng Vương : huyền thoại hay sự thật ?

Nguyễn Văn Huy

Mỗi năm, cứ đến gần đến ngày 10 tháng 3 âm lịch, cả trong lẫn ngoài nước xôn xao tổ chức giỗ tổ Hùng Vương. Tại Việt Nam, lễ giỗ tổ Hùng Vương thường được cử hành tại Đền Hùng, khu Diên Hồng, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, miền bắc Việt Nam. Từ sau 2007, giỗ tổ Hùng Vương là một ngày quốc lễ, học sinh, sinh viên và công nhân viên được nghỉ một ngày tương đương với ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm.

Ngày giỗ tổ Hùng Vương, còn gọi là Lễ hội Diên Hồng, là dịp để nhắc nhở mọi người Việt Nam tưởng nhớ tới công lao dựng nước của các vị vua Hùng. Diên Hồng là nơi vua Trần họp các vị bô lão để hỏi ý kiến nên hòa hay chiến trước sự đe dọa của quân Nguyên (Mông Cổ) vào cuối thế kỷ 13. Không hiểu tại sao lễ giỗ tổ Hùng Vương được gọi là lễ hội Diên Hồng, vì hội nghị Diên Hồng được tổ chức vào tháng chạp năm Giáp Thân (1284), trong khi giỗ tổ Hùng Vương được tổ chức vào ngày 10 tháng ba âm lịch.

Đặc biệt lần này, trước sự uy hiếp và xâm chiếm lãnh thổ và lãnh hải của Trung Quốc, lễ giỗ tổ Hùng Vương năm 2013 được báo đài trong nước quảng bá rầm rộ. Cường điệu hơn, ông Nguyễn Doãn Khánh, bí thư tỉnh Phú Thọ, công bố dự án xây dựng nhà tưởng niệm Hồ Chí Minh ngay trong khu di tích đền Hùng (tráng lệ hơn di tích đền Hùng), với một diện tích rộng 8 450 m2 trên đồi Phân Trà và một tổng kinh phí gần 3 triệu USD (60 tỷ đồng). Ngoài mục đích lạm dụng tiền xây dựng cho riêng mình, dự án này đã gây nhiều bất bình trong dư luận. Hùng Vương là biểu tượng của thời kỳ lập quốc của cả một dân tộc, trong khi Hồ Chí Minh chỉ là biểu tượng của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Rõ ràng qua dự án này, biểu tượng Hồ Chí Minh đang bị lợi dụng và chính trị hóa cho những mục tiêu riêng, không liên quan gì đến Hùng Vương. Việt Nam không thiếu gì đất đai để xây dựng đền thờ Hồ Chí Minh, tại sao lại chọn địa bàn Hùng Vương ? Không lẽ Đảng Cộng sản Việt Nam muốn đặt Hồ Chí Minh ngang hàng với các vị vua Hùng ?

Ngoài mục tiêu chính trị, việc tổ chức lễ giỗ tổ Hùng Vương năm nay đang gây một phong trào tranh cãi về nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Nhiều người phản đối danh xưng "tổ", vì tổ là tổ tiên, người khai sinh ra một dòng tộc. Lý do là Việt Nam hiện nay có 54 sắc tộc (còn gọi là dân tộc), trong đó đông nhất là sắc tộc Kinh, tức người Việt. Nhiều thắc mắc đã được nêu ra : Hùng Vương được coi là tổ tiên của người Kinh, vậy giỗ tổ Hùng Vương là giỗ tổ của riêng người Kinh hay của tất cả 54 sắc tộc trên toàn quốc ? Thắc mắc này rất khó trả lời vì nó vượt ra ngoài khuôn khổ lịch sử và mang tính chất chính trị và pháp lý hơn là văn hóa. Trong cuộc thảo luận này, chúng ta nên giới hạn sự trao đổi quanh các vấn đề văn hóa, vì đó là những sự kiện lịch sử được liệt kê vào gia tài văn hóa của cả dân tộc.

Trường hợp này giống như tại Pháp, người Pháp nói tổ tiên của họ là người Gaulois, tức những người đầu tiên thành lập nước Gaule phía Bắc nước Pháp, trong khi dân tộc Pháp hiện nay là một sự hợp chủng của rất nhiều dân tộc khác nhau, đến từ khắp nơi trên thế giới : Bắc Âu, Nam Âu, Tây Âu, Đông Âu, Châu Phi, Châu Á… Hiện nay tại Pháp không ai phản đối nội dung các sách giáo khoa được dạy trong các trường tiểu học, Gaulois là tổ tiên người Pháp vì đó là một thực tế vào thời khai quốc, ngày nay yếu tố này thuộc về lãnh vực văn hóa và lịch sử.

Riêng tại Việt Nam, vấn đề không giản dị như vậy. Việt Nam tuy có một lịch sử lâu dài nhưng cũng là rất mới, miền Trung chỉ được hội nhập vào cuối thế kỷ 17, miền Nam cuối thế kỷ 18 và cao nguyên miền Trung (Tây Nguyên) vào đầu thế kỷ 20. Biểu tượng Hùng Vương, đối với những dân tộc từng có một truyền thống lịch sử riêng còn quá mới, các chính quyền Việt Nam cần phải giải thích nhiều hơn nữa để xây dựng một cộng đồng dân tộc hài hòa và gắn bó.

Huyền thoại

Tài liệu đầu tiên nói về thời Hồng Bàng của các vua Hùng được ghi trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* như sau : "[…] *Một hôm, Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng : Ta là giống rồng, nàng là giống tiên, thủy hỏa khắc nhau, chung hợp thật khó. Bèn từ biệt nhau, chia 50 con theo mẹ lên núi, 50 con theo cha xuống miền biển, phong cho con trưởng làm Hùng Vương, nối ngôi vua* […]".

Đại Việt sử ký toàn thư là bộ quốc sử chính thống cũ nhất của Việt Nam, do Ngô Sĩ Liên biên soạn và hoàn tất năm 1479 nhưng chỉ được phát hành 218 năm sau đó, năm 1697, nội dung và các sự kiện lịch sử do đó đã được tu bổ và sửa chữa rất nhiều. Trước đó, Lê Văn Hưu có biên soạn bộ *Đại Việt sử ký* (1272) nhưng chỉ ghi lại phần lịch sử từ Triệu Vũ Đế đến Lý Chiêu Hoàng. Các bộ quốc sử sau này như *Đại Việt sử ký tiền biên, Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục* được biên soạn dựa trên cơ sở của *Đại Việt sử ký toàn thư*. Huyền thoại về giai đoạn Hùng Vương, tức thời Hồng Bàng, vẫn còn đầy bí ẩn.

Năm 2005, học giả Lã Duy Lan đã gây khá nhiều kinh ngạc đối với những người quan tâm đến cội nguồn dân tộc. Trong *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (số 2, 2005), ông cho biết những mô tả về thời đại Hồng Bàng của những bộ sử trước đó hoàn toàn phù hợp với những ghi chép trong *Bách Việt triệu tổ cổ lục* và *Cổ Lôi ngọc phả truyền thư,* hai bộ sách của các vị tộc trưởng họ Nguyễn ở tổng Đại Lôi cũ, nay là hai xã Phú Lãm - Phú Lương đầu huyện Thanh Oai - Hà Nội, ghi về thế thứ, sự tích, ngày sinh ngày hóa, nơi an táng của các vị vua và các bà vợ ở thời dựng nước khi mới bước xuống khai phá đồng bằng. Hai bộ sách này đã in phần lược dịch vào Phụ lục cuốn *Lễ hội và danh nhân lịch sử Việt Nam* của Hà Hùng Tiến (Nhà xuất bản Văn hóa & Thông tin, năm 1997). Theo Lã Duy Lan, những vị tộc trưởng họ Nguyễn này trông nom phần mộ và thờ cúng các vị tổ tiên gây dựng nên cơ đồ dân tộc kể từ khởi đầu cho đến cuối thời vua Thành Thái nhà Nguyễn (1907).

Để cụ thể hóa những ghi nhận trong bộ hai bộ sách nói trên, năm 2010 học giả Lã Duy Lan phổ biến một tài liệu mang tên *Hành trình về quá khứ*, gồm ba phần : Phần I : Thời dựng nước và phong tục tập quán - tín ngưỡng của người Việt ; Phần II : Hiện thực qua một vài truyền thuyết, dã sử (quan niệm và thể hiện) và Phần III : Một vài khúc quanh trong chính.

Trong lời mở đầu, Lã Duy Lan viết : *"Trước khi bước chân xuống khai phá đồng bằng theo kiểu đại trà, các thế hệ tổ tiên xa xôi của chúng ta (là một nhóm Việt - Mường) đã trải qua hai thời kỳ, là thời Cực Lạc và thời Viêm Bang. Thời Cực Lạc, khởi đầu cách ngày nay khoảng 7000 năm và kéo dài tới khoảng 1000 năm,*

ở vùng đất phía đông của chân núi Ba Vì, vì thế Ba Vì được các thế hệ thời trước gọi là núi Tổ của người Việt. Đó là thời con người thì ít mà các nguồn thức ăn ở dạng tự nhiên còn vô cùng dồi dào, dễ kiếm, và mọi người cùng làm cùng ăn, cùng vui chơi giải trí, quan hệ nam nữ theo sở thích và sự đồng thuận, con cái sinh ra là của chung cộng đồng chứ chưa có các gia đình riêng. Cuối thời Cực Lạc mới bắt đầu chia họ. Sau thời Cực Lạc thì đến thời Viêm Bang, kéo dài cũng tới hàng ngàn năm, là thời kỳ con người đã biết dùng lửa để nung gốm sứ, chế tạo các công cụ lao động và vật dụng sinh hoạt bằng đồng, sắt, do vậy, việc khái phá đất đai cấy trồng lúa nước cũng đã được tiến hành, vì thế, các vị vua ở thời kỳ này, lúc đầu gọi là Đế Viêm, còn về sau thì gọi là Thần Nông. Sau thời Thần Nông, tổ tiên ta bước xuống khai phá đồng bằng theo kiểu đại trà, lập ra nước Xích Quỷ rồi nước Văn Lang, kéo dài tới khoảng 2800 năm, về sau được gọi chung là thời Bách Việt và các vua Hùng".

Về địa danh gọi là núi Tổ, Lã Duy Lan cho biết : *"Quá trình hình thành nền văn minh lúa nước của người Việt cổ được bắt đầu kể từ khi họ kéo nhau ra khỏi rừng, định cư lại ở vùng đất phía đông của chân núi Ba Vì một thời gian dài tới hàng ngàn năm (thời "Cực lạc"), sau đó xuống vùng So - Sở rồi sau đó tỏa xuống khai phá vùng đồng bằng (châu thổ sông Hồng, sông Mã, sông Cả...) và nhiều vùng đất khác, để rồi cuối cùng đạt đến thành tựu rực rỡ ở thời Tam Phủ, Kinh Dương Vương (nước "Xích Quỷ") và thời của các vua Hùng mà trong đó 18 đời thống nhất được đất nước với thời gian 2622 năm (kể từ Kinh Dương Vương đến hết Hùng Vương thứ 18) trên một địa bàn rộng lớn, từ phía nam sông Dương Tử (Trung Quốc) đến tận miền Quảng Nam (Việt Nam). Trên thực tế, địa bàn ấy trong suốt thời gian tồn tại dài lâu của nó đã có sự xê dịch ở nơi này nơi kia (vào các giai đoạn không thống nhất được đất nước), nhưng căn cứ vào trống đồng là hiện vật đào thấy được ở địa bàn này (vừa kể trên), thì có thể xác định đấy là vùng cư trú có thật của cư dân Bách Việt mà giữa các nhóm, các tộc người đã có sự tương đồng nhất định về ngôn ngữ, về điều kiện tự nhiên và canh tác, về phong tục tập quán, tín ngưỡng - tức là về văn hóa (vật thể, phi vật thể) các mặt nói chung".*

Tuy vậy, người đọc không thể không hoài nghi về những xác quyết chắc nịch trong hai bộ sách mà Lã Duy Lan vừa trích dẫn, đó là các vị tổ Hồng Bàng đều mang họ Nguyễn, trừ Đế Thừa (Sở Minh Công, vì là người nước Sở) : Đế Minh (Nguyễn Minh Khiết), Đế Nghi (Nguyễn Long Nhân), Đế Long (Nguyễn Long Cảnh) Kinh Dương Vương (Nguyễn Lộc Tục), Lạc Long Quân (Nguyễn Lâm)... Thêm vào đó tên 18 đời vua Hùng và 100 người con của Lộc Tục và Âu Cơ được ghi lại đúng như lời truyền :

- Tên 18 đời vua Hùng thống nhất được Bách Việt : 1. Hùng Quốc Vương tên là Lân lang, 2. Hùng Hiền Vương : Nhân Đức lang, 3. Hùng Hoa Vương : Bảo Long lang, 4. Hùng Nghi Vương : Bảo lang, 5. Hùng Vĩ Vương : Tiêu lang, 6. Hùng Chiêu Vương : Quốc lang, 7. Hùng Huy Vương : Văn lang, 8. Hùng Định Vương : Chân lang, 9. Hùng Nghị Vương : Hoàng Long lang, 10. Hùng Chinh Vương : Đức lang, 11. Hùng Vơ Vương : Đức Hiển lang, 12. Hùng Việt Vương : Giao lang, 13. Hùng Anh Vương : Viên lang, 14. Hùng Triều Vương : Chiêu lang, 15. Hùng Triệu Vương : Đô Hiển lang, 16. Hùng Tạo Vương : Đức Lang quân, 17. Hùng Hồn Vương : Bảo Quang lang, 18. Hùng Duệ Vương : Huệ lang.

- Tên 100 người con của Lộc Tục và Âu Cơ :

* 50 người theo cha xuống biển, gọi là *Thủy thần* (lấy tên các con vật sinh sống dưới nước để chỉ phần mộ) : 1. Lân Lang Vương, 2. Xích Lang Vương, 3. Quỳnh Lang Vương, 4. Mật Lang Vương, 5. Thái Lang Vương, 6. Vỹ Lang Vương, 7. Đồng Lang Vương, 8. Yến Lang Vương, 9. Tiêu Lang Vương, 10. Diệu Lang Vương, 11. Tĩnh Lang Vương, 12. Văn Lang Vương, 13. Tập Lang Vương, 14. Ngô Lang Vương, 15. Ba Lang Vương, 16. Loại Lang Vương, 17. Hộ Lang Vương, 18. Chân Lang Vương, 19. Cốc Lang Vương, 20. Chiêm Lang Vương, 21. Khương Lang Vương, 22. La Lang Vương, 23. Tuân Lang Vương, 24. Tán Lang Vương, 25. Quyền Lang Vương, 26. Dương Lang Vương, 27. Kiêu Lang Vương, 28. An Lang Vương, 29. ố Lang Vương, 30. Tảo Lang Vương, 31. Lục Lang Vương, 32. Ýu Lang Vương, 33. Nhiễu Lang Vương, 34. Lý Lang Vương, 35. Tiêm Lang Vương, 36. Tương Lang Vương, 37. Định Lang Vương, 38. Sát Lang Vương, 39. Hâm Lang Vương, 40. Minh Lang Vương, 41. Sái Lang Vương, 42. Triều Lang Vương, 43. Kết Lang Vương, 44. Mặc Lang Vương, 45. Trường Lang Vương, 46. Khuynh Lang Vương, 47. Tẩm Lang Vương, 48. Chai Lang Vương, 49. Chiều Lang Vương, 50. ích Lang Vương.

* 50 người theo mẹ lên núi, gọi là *Sơn thần* (tức là lấy tên các con vật sinh sống trên cạn để chỉ phần mộ) : 1. Hương Lang Quân, 2. Kiếm Lang Quân, 3. Thận Lang Quân, 4. Văn Lang Quân, 5. Vơ Lang Quân, 6. Lễnh Lang Quân, 7. Tịnh Lang Quân, 8. Hắc Lang Quân, 9. Quân Lang Quân, 10. Cao Lang Quân, 11. Tế Lang Quân, 12. Sảnh Lang Quân, 13. Mã Lang Quân, 14. Chiêu Lang Quân, 15. Khang Lang Quân, 16. Chỉnh Lang Quân, 17. Đào Lang Quân, 18. Nguyên Lang Quân, 19. Cẩu Lang Quân, 20. Xuyến Lang Quân, 21. Yêu Lang Quân, 22. Thiếp Lang Quân, 23. Bái Lang Quân, 24. Tài Lang Quân, 25. Giám Lang Quân, 26. Biện Lang Quân, 27. Chiều Lang Quân , 28. Quán Lang Quân, 29. Cánh Lang Quân, 30. Thái Lang Quân, 31. Lôi Lang Quân, 32. Tú Lang Quân, 33. Việt Lang Quân, 34. Vệ Lang Quân, 35. Mẫn Lang Quân, 36. Triệu Lang Quân, 37. Viên Lang Quân, 38. Lộ Lang Quân, 39. Quế Lang Quân, 40. Diêm Lang Quân, 41. Nhĩ Lang Quân, 42. Huyền Lang Quân, 43. Tào Lang Quân, 44. Nguyệt Lang Quân, 45. Xum Lang Quân, 46. Long Lang Quân, 47. Mai Lang Quân, 48. Tuấn Lang Quân, 49. Linh Lang Quân, 50. Huệ Lang Quân.

Ngạc nhiên hơn, bộ *Bách Việt triệu tổ cổ lục* còn phổ biến đúng 100 tên bộ tộc Bách Việt từ thời nước Xích Quỷ (của Kinh Dương Vương) đến hết thời các vua Hùng (khi thống nhất được đất nước).

Đó là : 1. Lạc Việt, 2. Âu Việt, 3. Đông Âu Việt, 4. Tây Âu Việt, 5. Việt thường (hay Nhục chi Việt), 6. Mân Việt, 7. Mân trung Việt, 8. Cửu Lê, 9. Bách bộc, 10. Bách lão, 11. Chủ lão, 12. Cưu lão, 13. Di lão, 14. Sở Việt, 15. Sở Việt họ Tự, 16. Sở Việt họ My, 17. Sở Việt họ Thiên, 18. Ngô Việt, 19. Khương Việt, 20. Cối kê Việt, 21. Hồi kê Việt, 22. Thích Việt, 23. Phiêu Việt, 24. Diêu Việt, 25. Cưu Việt, 26. Cưu Sảng Việt, 27. Khỏa Việt (Khỏa Lão), 28. Phù bồ Việt (La Phù, Phù Nam, Bồn Man), 29. Đông Việt, 30. Tây Việt, 31. Bộc Việt, 32. Bặc Việt, 33. Bân Việt, 34. Hồ Việt (Hồ Công Mãn), 35. Miêu Việt, 36. Lạo Việt (Lão Việt), 37. Linh Việt, 38. Cật Việt (Cát Việt), 39. Tần hồ Việt, 40. Tây nhung Việt, 41. Liêu Việt, 42. Kinh Man Việt (Kinh Dương), 43. Dương Việt, 44. Phiêu Dương Việt, 45. Man trù Việt (Đại Man), 46. Hoài di Việt, 47. Phong di Việt, 48. Vu Việt, 49. U Việt, 50. Ý Việt, 51. Ô đề Việt (Ô Lôi), 52. Man đà Việt, 53. Thương ô Việt, 54. Yết Việt, 55. Lục hồn Việt, 56. Lục hoa Việt, 57. Dao Việt họ Diêu, 58. Đản Việt (tộc Diêu), 59. Tích chi Việt (Chi Việt), 60. Cừu Sưu Việt, 61. Man Việt, 62. Tuấn Việt, 63. Quí Việt, 64. Quế Việt, 65. Lâm hồ Việt (Tây Nhung), 66. Da lang Việt, 67. Vân Nam Việt (hay Nam Chiếu), 68. Chữ Đồng Việt, 69. Lão Nhai Việt, 70. Quỳnh Nhai Việt, 71. Hải nam Việt (người Hẹ), 72. Thiềm nhĩ Việt, 73. Lục Lương Việt, 74. Thạch Lệnh ông Việt (Yết Việt), 75. Hoạt bộc Việt, 76. Mang Việt, 77. Mãnh Việt (Mạnh Việt), 78. Thái Việt, 79. Mường Việt, 80. Yên Việt (Mộ Dung Tiên Ty), 81. Môn Việt, 82. Mên Việt, 83. Khả Việt (hay

Khả lá vàng), 84. Lang thị Lão qua (Nam long), 85. Bách Lộc (Hán Nhân Việt), 86. Kinh cức Hoạn thị, 87. Kinh man Ngạc thị (Ngao thị), 88. Việt tỉnh (Âu Việt Bộc lão hóa), 89. Việt tây, 90. Việt đông, 91. Âu Lạc Việt, 92. Giao Chỉ Diêu đề (Trung cổ Việt), 93. Man di Việt (Man Nam), 94. Nam Chiếu (Bộc lão hóa), 95. Nam Cương (Nam Khang), 96. Hoài hoan Việt (tức nhóm Chiêm tiêm), 97. Cửu chân Việt (Ô tôn - Lâm ấp), 98. Mông Việt (Lục Lương Việt), 99. Thục Việt (Thiều Việt), 100. Hùng Việt (Hoàng Việt).

Qua tên những bộ tộc này, chỉ một số được biết đến như Lạc Việt, Âu Việt, Mân Việt, Việt thường, v.v., một số khác là tên địa danh như Quỳnh Nhai, Hải Nam, Vân Nam, Nam Chiếu, Âu Lạc, Giao Chỉ, Cửu Chân, Lão Qua, Lâm Ấp, v.v., một số là tên sắc tộc như Bồn Man, Phù Nam, Mường, Mên, Thái, Khả lá vàng, Chiêm tiêm, Man di, v.v., đa số còn lại không hề được nhắc đến.

Việc ghi đúng số lượng tên và người thời Hồng Bàng, như tên 100 người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ, tên 100 bộ tộc Việt, là một việc làm rất công phu nhưng không thuyết phục. Theo tiếng Hán, Bách (trăm) có nghĩa là nhiều chứ không hẳn là tròn một trăm vì người Hán chưa phát minh ra số không (zero), chẳng hạn như Bách hoa (trăm hoa), Bách thảo (trăm loại cỏ), Bách chiến Bách thắng (trăm trận trăm thắng), v.v. Hơn nữa, chuyện Lạc Long Quân và Âu Cơ sinh ra 100 trứng nở ra 100 con chỉ là truyền thuyết vì người không thể đẻ trứng như loài bò sát, cá và chim, hơn nữa chỉ toàn là nam nhân. Đó có thể là số dân của một bộ tộc vào lúc khởi đầu, nhưng tìm tên đặt cho đúng 100 người quả là khiêng cưỡng. Huyền thoại Hùng Vương do đó vẫn còn đầy bí ẩn.

Sự thật

Tuy nhiên, dựa theo những truyền thuyết lịch sử được chép lại từ thế kỷ 15, các cuộc nghiên cứu khảo cổ cho thấy địa bàn phát xuất nền văn minh Văn Lang, thời đại Hùng Vương, tập trung quanh lưu vực sông Hồng, từ chân núi Ba Vì đến chân núi Tam Đảo. Cao điểm của nền văn minh này, còn gọi là văn minh sông Hồng (từ đầu thiên niên kỷ thứ II trước công nguyên đến cuối thế kỷ 15), là nếp sống hợp quần có tổ chức. Dân cư Văn Lang - người Lạc Việt - đã biết sản xuất vật dụng bằng đồng (văn hóa Đông Sơn, cách đây khoảng ±2820 năm), sống bằng săn bắt thú rừng, hái lượm hoa quả, làm rẫy và biết trồng lúa nước.

Người Lạc Việt, ngày nay được nhìn nhận như là tổ tiên của dân tộc Kinh, thật ra không phải là những dân cư đầu tiên sinh sống trên châu thổ sông Hồng, trước đó đã có người Mélanésien (Nam Đảo). Mélanésien là những sắc dân vóc nhỏ, da đen, tóc xoắn, xuất hiện sau thời kỳ tiền sử và sơ sử, di cư từ phía Nam Thái Bình Dương lên bán đảo Đông Nam Á, kể cả châu thổ sông Hồng, sống xen kẽ và đồng hóa các nhóm người da đen nguyên thủy địa phương (Veddoid) để rồi sau cùng chỉ còn yếu tố Mélanésien. Sang thời kỳ hậu đồ đá, người Mélanésien, do kém phát triển hơn các nhóm di dân từ Mông Cổ và Nam Á đến lập nghiệp trên cùng địa bàn, yếu tố Mélanésien mất dần, cuối cùng chỉ còn yếu tố Nam Á và Mông Cổ.

Những khám phá khảo cổ gần đây trên châu thổ sông Hồng xác nhận sự chuyển hóa này : các bộ lạc thuộc văn hóa Phùng Nguyên và Hoa Lộc (cách đây trên 4000 năm) đã biết chăn nuôi, trồng lúa và sản xuất đồ gốm có hoa văn ; các bộ lạc thuộc văn hóa Đồng Dậu và Gò Mun (cách đây khoảng 3000 năm) bắt đầu biết chế tác vật dụng bằng đồng và tụ cư trong những công xã thị tộc mẫu hệ. Tiếp theo là các bộ lạc thuộc văn hóa Đông Sơn, xuất hiện cách đây trên 2000 năm, nắm vững kỹ thuật chế tác vật dụng bằng đồng thau ở trình độ cao, biết tổ chức xã hội có tôn ti trật tự và có một khu vực định cư tương đối rơ ràng. Văn hóa Đông Sơn gắn liền với sự xuất hiện của nước Văn Lang và người Lạc Việt.

Văn Lang thật ra không phải là danh xưng của một nước mà là tên của một bộ lạc. Theo bà Jeanne Cuisinier, một chuyên gia về ngôn ngữ mường, Văn Lang đọc theo tiếng Việt Cổ là "pók lang", ngôi làng lớn, tức nơi sinh trú chính của một nhóm Lạc Việt. Hùng Vương cũng không phải là tên một vị vua, "lang kun" trong tiếng Việt cổ (Mường) là "làng trưởng" hay "tù trưởng", người đứng đầu một địa phương. Theo truyền thuyết, "lang kun" có lẽ là vị thủ lĩnh của một liên minh lớn gồm 15 thị tộc Lạc. Về sau, dựa theo cách phiên âm và diễn giải của người Hán (vì bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* viết năm 1479 bằng chữ Hán) : "pók lang" đọc phiên âm thành "Văn Lang" để chỉ tên nước, "lang kun" đọc thành "Lang Hùng", sau đó thay chữ "lang" bằng chữ "vương" cho giống người Hán để chỉ vị thủ lĩnh.

Trong thực tế, Lạc Việt là tên một nhóm thuộc hệ Bách Việt mang nặng yếu tố Indonésien. Cũng nên biết Indonésien ở đây không phải là dân cư nước Indonesia mà là tên gọi những di dân đi từ sông Indus (Pakistan) đến Đông Nam Á và miền Tây Nam Trung Quốc lập nghiệp. Người Indo vạm vỡ, da ngâm đen, mặt vuông, cằm nhọn, tóc dợn sóng, hợp chủng với các sắc dân thuộc hệ Nam Á (Mélanésien) và Mông Cổ để rồi phân hóa thành nhiều nhóm Việt tộc khác nhau, trong đó có các nhóm Mường, Thái, Tày, Nùng hiện đang sinh sống tại Việt Nam. Một nhóm Indonésien khác đi dọc theo thung lũng các con sông nhỏ trên dãy Himalaya để sau cùng đến châu thổ sông Hồng định cư và hợp chủng với các nhóm Mélanésien địa phương và trở thành người Lạc Việt, thị tộc Hồng Bàng, lấy chim vạc hồng làm biểu tượng sùng bái (totem), đặc biệt là cách dựng mái nhà ba nóc. Như vậy nền văn minh sông Hồng có thể đã có trên 4000 năm, nhưng nước Văn Lang và người Lạc Việt chỉ xuất hiện khoảng 2500 năm trở lại đây mà thôi.

Tiếp theo Văn Lang là nước Âu Lạc. Có lẽ đến đời Hùng Vương thứ 18, thị tộc Hồng Bàng tuyệt tự nên một thủ lãnh thị tộc Tây Âu ở phía Bắc Văn Lang (Cao Bằng), tên Thục Phán, được đưa lên ngôi, hiệu An Dương Vương, để chống quân Tần xâm lược. Âu Lạc là sự tiếp nối của thời đại Hùng Vương qua liên minh Tây Âu và Lạc Việt, vì cả hai cùng thuộc khối Bách Việt sống gần gụi và xen kẽ với nhau trong lưu vực sông Hồng và sông Tây Giang (Quảng Tây). Trong thời kỳ này, ảnh hưởng của văn hóa Đông Sơn và ngôn ngữ cổ thời Hùng (tiếng Việt-Mường) tỏa rộng từ phía Nam sông Tây Giang đến đồng bằng duyên hải Thanh Hóa. Lãnh thổ Âu Lạc nới rộng tới đâu không tài liệu nào nói rõ, nhưng trong cuộc chiến chống quân Tần (218-208 trước công nguyên) nó bị thu hẹp lại, chỉ còn tập trung trên châu thổ sông Hồng, để rồi mất hẳn vào tay nhà Triệu (179 trước công nguyên).

Âu Lạc bị sát nhập vào lãnh thổ Nam Việt và chia thành hai quận : Giao Chỉ (châu thổ sông Hồng) và Cửu Chân (Thanh Hóa), với những định mức hành chánh khá rõ ràng. Trong gần 70 năm dưới quyền quản trị của nhà Triệu, lãnh thổ Nam Việt bao gồm các tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây ngày nay, châu thổ sông Hồng và bờ biển Thanh Hóa, nhưng chưa bao giờ vượt lên các miền thượng du tây-bắc.

Vào cuối thế kỷ thứ II trước công nguyên, nhà Hán thống nhất lục địa và mở rộng lãnh thổ về phía Tây Nam. Nam Việt và nước Điền (Vân Nam) bị chiếm đóng và trở thành một châu của nhà Hán : Giao Châu. Trên nguyên tắc, Giao Châu được nới rộng đến Vân Nam và các vùng rừng núi Quảng Tây

về phía bắc, nhưng trong thực tế nhà Hán chỉ cai trị trên những vùng đất thấp. Đất Giao Châu được chia thành ba quận : Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam (Nghệ Tĩnh). Lãnh thổ quận Giao Chỉ được nới rộng tới các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây và Quảng Đông ngày nay, nhưng nhà Hán chỉ cai trị trực tiếp khu vực châu thổ sông Hồng và vùng bờ biển Quảng Yên mà thôi.

Dưới thời Bắc thuộc, di dân Hán tộc vào Giao Chỉ lập nghiệp rất đông. *Sự tích "một mẹ trăm con" có lẽ bắt đầu từ giai đoạn này chứ không phải vào giai đoạn trước, ý muốn nói những dân tộc khác nhau sinh sống trên những vùng đồng bằng hay rừng núi đều đặt dưới quyền bảo hộ của nhà Hán và được đối xử như là con cái của thiên triều*. Một số dân cư Âu Lạc có tinh thần độc lập cao, không chấp nhận sự thống trị của người Hán, rút lên miền núi trở về với nếp sống cổ truyền : duy trì chế độ mẫu hệ, làm rẫy, săn bắn và hái lượm, để rồi trở thành những nhóm Mường và Tày. Do sống cách biệt lâu ngày với đồng bằng, đời sống người miền núi trở nên lạc hậu và thua kém người đồng bằng. Trong khi đó, trên châu thổ sông Hồng, cuộc sống hòa trộn giữa các nhóm Lạc Việt đồng bằng còn lại và người Hán di cư tạo thành một cộng đồng chủng tộc mới, cộng đồng người Kinh, theo chế độ phụ hệ.

"Kinh" không phải là tên của một chủng tộc riêng biệt, thường được hiểu là người Việt, mà là tên gọi chung những người sinh sống ở chốn thị thành (kinh đô) và vùng đồng bằng văn minh hơn, để phân biệt với người miền núi hay vùng cao chưa thấm nhuần văn hóa Khổng Mạnh. Thật ra kinh đô trong thời kỳ này chỉ là những thôn làng nhỏ, nhưng là nơi các vị làng trưởng hay tù trưởng (lãnh chúa hay "vua") cư ngụ, thần dân sinh sống trong những ngôi làng này được gọi là người Kinh (Jing). Vào thời nhà Hán, Kinh còn có nghĩa là những người hợp tác với nhà Hán để cai trị người Giao Chỉ địa phương.

Dưới thời Bắc thuộc, nhà Hán cai trị qua trung gian những lãnh chúa (vua) địa phương, đa số ở vùng đồng bằng hay chốn thị thành. Với thời gian, trên đồng bằng sông Hồng yếu tố Indonésien và Mông Cổ của người bản địa biến thể dần để chỉ còn yếu tố Việt-Mường.

Kết quả chọn lựa khu vực định cư thay đổi hẳn quan hệ giữa người đồng bằng và người miền núi. Nhờ sinh sống trên một địa bàn thích hợp với nghề trồng lúa nước và biết áp dụng phương thức tổ chức xã hội theo khuôn mẫu Khổng giáo, mà đặc điểm là sự củng cố không gian sinh tồn thuần chủng quanh khu vực trung tâm, hố cách biệt giữa hai khu vực ngày càng sâu rộng : nhờ sản xuất được nông phẩm dồi dào, dân số người Kinh đồng bằng gia tăng nhanh và phát triển hơn cộng đồng dân cư miền núi.

Sự giao lưu giữa hai cộng đồng có lẽ đã không diễn ra trong những điều kiện bình thường, người miền núi bị đặt ra ngoài vòng đai chủng tộc và phải thần phục người đồng bằng tại khu vực trung tâm để nhận sự che chở. Bằng chứng cụ thể là trong giai đoạn đầu của thời kỳ Bắc thuộc những người miền núi, theo chế độ mẫu hệ, đã liên tục nổi lên chống lại khu vực trung tâm : hai chị em bà Trưng, anh em bà Triệu là những lãnh tụ Mường, Mai Thúc Loan là một lãnh tụ nam giới Chăm, gốc Nam Đảo. Chỉ sang giai đoạn sau, khi cộng đồng người Kinh bị người Hán lục địa sang cai trị trực tiếp và bị hiếp đáp quá đáng mới hợp lực cùng với người Mường ở Giao Chỉ và người Chăm ở Cửu Chân chống lại ách cai trị của phương Bắc, giành lại chủ quyền.

Tuy vậy, một sự kiện không ai phủ nhận là người Lạc Việt (Việt, Mường, Tày) chấp nhận sống cam chịu dưới sự cai trị có thể rất hà khắc của người Việt nhưng rất bất khuất trước sự thống trị của ngoại bang. Lạc Việt ở đây phải hiểu là những người dân bình thường, những người không học cao hiểu rộng nhưng rất gắn bó đến đất đai mà tổ tiên đã dày công khai phá và để lại. Người nào biết khêu gợi lòng tự hào của dân tộc, người đó sẽ được sự ủng hộ của những người dân bình thường.

Năm 1428, Lê Lợi, mặc dù xuất thân từ một dòng tộc Mường, sau khi thu phục lòng người, qua bài Hịch chiến sĩ (Bình Ngô đại cáo) do Nguyễn Trãi (người Kinh) biên soạn, đã đánh đuổi quân Minh ra khỏi đất nước và xây dựng triều đại nhà Lê. Rất ưu tư về sự chính thống của mình, vì Mường và Việt là một, nguồn gốc nhà Lê đã được chính thức hóa qua huyền thoại Hùng Vương thời Hồng Bàng, tổ tiên người Việt (nay được hiểu là người Kinh) trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sự ra đời của nước Đại Việt đánh dấu sự mở rộng không gian sinh tồn của người Việt lên các vùng rừng núi miền Bắc và vùng đồng bằng duyên hải miền Trung, đùng theo truyền thuyết một mẹ trămcon, nhiều dân tộc mới đã được đón nhận vào lãnh thổ.

Lời kết

Sự tích một mẹ trăm con có thể là huyền thoại nhưng sự xuất hiện của triều đại Hùng Vương là có thật. Điều đáng tiếc là vào thời Hồng Bàng, người Lạc Việt chưa phát minh ra chữ viết và không có truyền thống xây dựng nơi cư trú bằng vật liệu cứng như đá gạch để khoa khảo cổ sau này có thể viết lại lịch sử qua những vật liệu để lại. Nền văn minh Hùng Vương là nền văn minh thảo mộc, tất cả vật liệu xây cất (nhà sàn) và dụng cụ sản xuất đều bằng gỗ nên không tồn tại lâu với thời gian, trừ trống đồng (dụng cụ để truyền thông và liên lạc). Tất cả sự tích đều được truyền miệng, do đó có thể bị sai lệch rất nhiều.

Thêm vào đó, các triều đại vua chúa Việt Nam đã xóa bỏ không thương tiếc vết tích của các triều vương trước, đúng theo khuôn mẫu văn hóa Khổng giáo, nghĩa là cắt cỏ phải cắt tận rễ. Trừ lăng tẩm các vị vua nhà Nguyễn (vì bị người Pháp bảo hộ nên còn tồn tại), không ai biết mồ mả các các vị vua quan thời Lê Trần, hay trước đó, được chôn cất ở đâu.

Thời đại Hùng Vương đã quá xa vời, nhắc lại Hùng Vương là nhắc lại công lao của những người đã sáng lập ra nước Việt Nam vào lúc ban đầu. Đây là một sinh hoạt hoàn toàn mang tính văn hóa và truyền thống chứ không có ý đề cao người Kinh như đã hiểu lầm.

Việt Nam ngày nay là một quốc gia khá đông dân (87 triệu người) với 54 sắc tộc khác nhau, trong đó người Kinh chiếm đa số. Để duy trì đồng thuận dân tộc, mọi người Việt Nam nên khiêm tốn về nguồn gốc xuất thân của mình để không áp đặt hay từ chối nhìn nhận sự hiện diện của những công dân khác, có thể có những truyền thống lịch sử và văn hóa nào khác nhau. Tổ tiên của người Kinh, người Chăm, người Khmer, các sắc tộc miền Thượng du Bắc Việt và Tây Nguyên đều là tổ tiên chung của dân tộc Việt Nam. Các ngôn ngữ Việt Mường, Môn Khmer, Nam Đảo, Tày Thái hay Mèo Dao, v.v. đều là tài sản chung của dân tộc Việt Nam.

Các thế lực ngoại bang thường kích động niềm tự hào chủng tộc để chia rẽ tình đoàn kết dân tộc. Các chế độ chính trị Việt Nam phải thường xuyên tăng cường và củng cố đồng thuận dân tộc để không một sắc tộc nào bị bỏ quên hay một cộng đồng dân tộc nào bị bạc đãi. Xây dựng được đồng thuận này, không một thế lực nào có thể đe dọa tình đoàn kết dân tộc và sự trường tồn của đất nước Việt Nam.

Nguyễn Văn Huy

Dự án chính trị dân chủ đa nguyên (tóm lược)

Giấc mơ Việt Nam

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Chúng ta từ giã một thế kỷ đau buồn, mở đầu trong ngoại thuộc và chấm dứt dưới độc tài, ở giữa là ba mươi năm chiến tranh tàn khốc. Ngày nay chúng ta là một trong những dân tộc nghèo đói, lạc hậu và bế tắc trong một thế giới mới mà sự thua kém kéo dài có thể làm tan vỡ các quốc gia và đẩy dân tộc của các quốc gia này vào cảnh lầm than vô hạn định.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tin rằng dân tộc Việt Nam xứng đáng với một số phận khác và nhiệm vụ lịch sử của những người Việt hôm nay là cứu dân tộc ra khỏi lầm than và cứu đất nước ra khỏi nguy cơ thua kém vĩnh viễn. Chúng ta là một dân tộc đông đảo và cần mẫn, có một lịch sử lâu dài và một địa lý thuận lợi, chúng ta có mọi triển vọng để vươn lên nếu thay đổi được tổ chức xã hội.

Việt Nam trong bối cảnh thế giới

Thế giới đang trải qua một chuyển hóa trọng đại mà những nét đậm nhất đã có thể nhìn thấy.

Các chủ nghĩa đã bị đào thải, nhường chỗ cho những giá trị tiến bộ đang trở thành phổ cập : hòa bình, tự do, dân chủ, nhân quyền, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận, liên đới và môi trường.

Dân chủ đang thắng lợi, số lượng các quốc gia từ bỏ chế độ độc tài để chuyển sang dân chủ ngày càng đông. Sự chuyển đổi về dân chủ đã không gây ra bạo loạn tại quốc gia nào, trái lại đã đem lại trật tự và ổn vững.

Các liên minh ý thức hệ đã chấm dứt, nhường chỗ cho những kết hợp giữa các nước cùng khu vực hoặc văn hóa trong mục đích giúp nhau cùng tiến.

Vai trò của các chính quyền quốc gia đang sút giảm. Các qui ước quốc tế ngày càng nhiều và dần dần thay cho luật pháp quốc gia, các công ty đa quốc gia tầm vóc lớn xuất hiện ngày càng đông đảo và đang trở thành những trung tâm quyền lực mới, trong nhiều trường hợp có trọng lượng và ảnh hưởng lớn hơn đa số các nước.

Chính ý niệm quốc gia dân tộc cũng đang bị xét lại. Ý niệm tổ quốc thiêng liêng phải được phụng thờ vô điều kiện không còn hợp thời nữa. Muốn tồn tại được quốc gia phải cần thiết và có ích cho người dân, phải là một phúc lợi thay vì một gánh nặng.

Trong một bối cảnh thế giới tranh đua, các dân tộc chậm tiến như Việt Nam một mặt bị đặt trước nguy cơ bị chèn ép và bóc lột, mặt khác do xu hướng tự động hóa dần dần mất đi một vũ khí chiến lược là nhân công rẻ, về lâu về dài chỗ đứng trên thế giới và chính sự tồn tại cũng bị đe dọa.

Bù lại, bối cảnh thế giới mới cũng đem lại những vận hội rất tốt mà các dân tộc chậm tiến có thể tận dụng để vươn lên : các tập đoàn độc tài không còn được nâng đỡ và che chở nữa, các dân tộc đủ quyết tâm có thể loại bỏ chúng để tiến tới dân chủ và tổ chức lại đất nước một cách hợp lý ; sự cạnh tranh gắt gao khiến cho việc thu hút tư bản và kỹ thuật trở thành dễ dàng ; thế liên thuộc tự nhiên trong một thế giới ngày càng nhỏ lại buộc các nước tiên tiến phải tạo điều kiện thuận lợi cho hòa bình và phát triển ; khả năng chấp nhận những cố gắng và hy sinh lớn hơn cho phép các nước chậm tiến lợi dụng được chính sự phồn vinh tại các nước đã phát triển để tiến nhanh hơn.

Việt Nam có đầy đủ những điểm lợi và điểm bất lợi của một nước chậm tiến nhưng cũng có những nguy cơ và triển vọng của riêng mình.

Chúng ta là một quốc gia rất cô lập do sự ngoan cố duy trì một chế độ độc tài và một chủ nghĩa đã bị thế giới vứt bỏ. Cuộc chiến thảm khốc và cách quản lý thô bạo không những đã làm tiêu hao tài nguyên mà còn hủy hoại một cách trầm trọng môi trường và làm xuống cấp con người. Các tệ nạn xã hội gia tăng, các giá trị nền tảng ngày càng phai nhạt. Xã hội ngày một thêm rối loạn do trộm cướp, buôn lậu, tham nhũng, mafia. Nguy hiểm hơn nữa là sự chán chường của dân chúng. Đại đa số người Việt Nam hiện nay không những chỉ thù ghét chính quyền mà còn mất cả lòng tin ở đất nước. Mối nguy lớn nhất là những người cầm quyền không ý thức được sự thờ ơ báo động của người dân, do đó vẫn tiếp tục cai trị một cách thách đố khiến quần chúng ngày càng lãnh đạm hơn với đất nước. Những biện pháp mở cửa mà chính quyền cộng sản bắt buộc phải chấp nhận đã cải tiến đáng kể đời sống nhân dân nhưng sự ngoan cố từ chối cải tổ chính trị vẫn kìm hãm đất nước trong trì trệ.

Nhưng chúng ta cũng có nhiều triển vọng lớn : một ngôn ngữ thuần nhất, dễ học và đủ để chuyên chở mọi kiến thức ; một dân tộc đông đảo và cần mẫn, có khả năng học hỏi và thích nghi cao ; một địa lý khá thuận lợi ; một lịch sử sống chung dài và một sự gắn bó lớn với quê cha đất tổ. Lợi điểm lớn nhất là chúng ta đã có thay đổi tư duy, đã đạt tới đồng thuận trên rất nhiều điểm cơ bản.

Đồng thuận nền tảng

Chủ thuyết để làm lại và thăng tiến đất nước của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đặt trên bốn chọn lựa cốt lõi sau đây :

1. Quốc gia Việt Nam phải được quan niệm như là một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Trong quan niệm ấy, nhà nước chỉ là công cụ để thực hiện một đồng thuận dân tộc, đúc kết của những nguyện ước cá nhân được phát biểu một cách tự do. Nhà nước ấy phải ở trong và ở dưới quốc gia, và phải xuất phát từ chọn lựa tự do của dân chúng.

2. Thể chế của Việt Nam phải là thể chế dân chủ đa nguyên, tôn trọng mọi khác biệt và dành chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Nhà nước phải thực sự tản quyền, cho phép các địa phương tự tổ chức sinh hoạt của mình theo những điều kiện đặc biệt. Nhà nước tự coi như có

sứ mệnh phục vụ xã hội dân sự và tạo điều kiện để xã hội dân sự phát triển và đem lại phúc lợi cho đất nước. Nhà nước đặt nền tảng trên thỏa hiệp thay vì xung khắc, không áp dụng một cách máy móc nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số. Nhà nước coi công bằng xã hội là một ưu tư thường trực. Nhà nước dân chủ đa nguyên phải là một nhà nước nhẹ, tuyệt đối tôn trọng và thực thi luật pháp, tập trung vào sứ mệnh hòa giải những tranh chấp, trọng tài các quan hệ trong xã hội dân sự và chế tài những vi phạm.

3. Hòa giải và hòa hợp dân tộc là một bắt buộc. Hòa giải để xóa bỏ những hận thù và hiềm khích do lịch sử để lại giữa các sắc tộc, giữa các địa phương, giữa các tôn giáo, giữa người dân và chính quyền. Quan trọng nhất là hòa giải những hận thù do cuộc chiến và các chính sách phân biệt đối xử mà chế độ cộng sản để lại. Hòa giải để tiến tới hòa hợp trong cố gắng xây dựng một tương lai Việt Nam chung. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên khẳng định rằng thiếu một chính sách hòa giải và hòa hợp dân tộc thành thực và quả quyết thì Việt Nam sẽ không có tương lai ngay cả nếu chế độ cộng sản chấm dứt.

4. Cố gắng phát triển đất nước phải đặt nền tảng trên kinh tế thị trường, lấy ý kiến và sáng kiến cá nhân làm động cơ và lấy lợi nhuận làm chất kích thích. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên khẳng định phát triển là thành quả của tự do và dân chủ, vì thế cải tổ chính trị phải đi trước cải tổ kinh tế. Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, dân chủ hóa thực sự và toàn diện phải là bước đầu bắt buộc. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cực lực bác bỏ như là một sự bịp bợm lập luận theo đó muốn phát triển nhanh phải tạm thời giới hạn tự do, dân chủ và nhân quyền. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên coi ổn định chính trị là cần thiết cho phát triển, nhưng ổn định không phải là sự lưu giữ dài hạn một tập đoàn cầm quyền mà là hiến pháp dân chủ và ổn vững, luật pháp không thay đổi đột ngột và tùy tiện. Sinh hoạt kinh tế thị trường phải đặt nền tảng trên các xí nghiệp tư, nhà nước không có chức năng kinh doanh.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tin rằng phát triển kinh tế chủ yếu là một vấn đề tâm lý và văn hóa, vì thế cần phát huy một văn hóa kinh doanh, tôn vinh cố gắng làm giàu chính đáng và gây một tâm lý tin tưởng và lạc quan trong xã hội. Niềm tin của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là một nhà nước nhẹ, thực sự dân chủ và không tham nhũng trong một xã hội đề cao kinh doanh, chắc chắn sẽ đưa tới phát triển.

Những định hướng lớn

- Xây dựng đất nước trên những giá trị tiến bộ thay vì trên một chủ nghĩa. Những giá trị tiến bộ đó là hòa bình, tự do, dân chủ, bình đẳng, nhân quyền, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận, liên đới và môi trường.

- Lấy tự do làm động lực để phát huy óc sáng tạo và tinh thần cầu tiến. Trên đất nước Việt Nam sẽ không thể có ý kiến nào cấm nêu ra và cũng không thể có đề tài nào cấm bàn đến.

- Phát huy lòng yêu nước tự nguyện. Lòng yêu nước là sức mạnh để chinh phục tương lai của dân tộc với điều kiện là phải tự nhiên và tự nguyện. Trách nhiệm chính của nhà nước là làm cho đất nước ngày càng cần thiết, đáng yêu và đáng tự hào.

- Tôn trọng và phát huy xã hội dân sự. Xã hội dân sự là toàn bộ những kết hợp của người dân và được coi là nền tảng của đất nước. Nhà nước tự coi là có vai trò tạo điều kiện để xã hội dân sự tạo phúc lợi cho đất nước chứ không định đoạt và làm thay cho xã hội dân sự.

- Xác định Việt Nam là đất nước của các cộng đồng. Đất nước Việt Nam không phải là của riêng sắc tộc Kinh. Lịch sử và văn hóa Việt Nam phải được coi là lịch sử và văn hóa của mọi sắc tộc đã kết hợp lại để tạo thành đất nước Việt Nam. Cộng đồng người Việt hải ngoại phải được coi là thành phần khắng khít của đất nước. Mọi người Việt Nam sinh sống tại hải ngoại phải được coi là những công dân với đầy đủ quyền lợi và nhiệm vụ.

- Chọn lựa dứt khoát kinh tế thị trường. Những gì tư nhân có thể làm nhà nước sẽ không làm.

- Không ngừng cảnh giác bảo vệ công bằng xã hội. Bảo vệ những người yếu kém, bảo đảm cơ may thăng tiến đồng đều cho mọi người, trước hết là qua giáo dục và đào tạo.

- Tiến tới một nền kinh tế công nghiệp và dịch vụ. Việt Nam không có chức năng lâu dài của một nước nông nghiệp. Cố gắng chuyển hóa Việt Nam thành một nước công nghiệp và dịch vụ là cần thiết và cấp bách, bắt đầu từ kỹ nghệ thực phẩm. Một quan tâm đặc biệt sẽ được dành cho ba ngành : tin học, du lịch và hàng hải. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên không tán thành việc thiết lập những khu kinh tế đặc biệt mà chủ trương dành tất cả mọi dễ dãi cho kinh doanh trên toàn lãnh thổ.

- Theo đuổi một chủ nghĩa nước nhỏ. Khiêm tốn và hòa hoãn với mọi quốc gia, nhẫn nhục hôm nay để giàu mạnh ngày mai.

- Thực hiện một chính sách đối ngoại hòa bình và một chính sách láng giềng tốt. Tìm mọi cơ hội để thắt chặt quan hệ hợp tác với các nước đã phát triển mạnh, đặc biệt là Hoa Kỳ. Phát huy mọi sáng kiến để hóa giải những vấn đề còn tồn đọng với Lào, Kampuchea và Trung Quốc, đi đến quan hệ láng giềng tốt.

- Ngăn chặn đà gia tăng dân số, chủ yếu qua cố gắng thăng tiến phụ nữ và bảo trợ người già.

Chế độ chính trị

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên khẳng định rằng :

- Đa nguyên chính trị không phải là nguyên nhân đưa tới lạm phát chính đảng. Số lượng chính đảng tùy thuộc chủ yếu vào thể thức đầu phiếu. Tự do và dân chủ cũng không hề tạo ra bất ổn, trái lại còn là điều kiện cần để có ổn định chính trị. Mặt khác, ổn định chính trị không thể đồng nghĩa với sự duy trì dài hạn một đảng cầm quyền.

- Tản quyền không đưa tới nạn sứ quân, trái lại còn đóng góp vào sự thống nhất thực sự của đất nước vì cho phép các địa phương phát triển hài hòa theo điều kiện đặc thù của riêng mình, vì thế mà các địa phương càng thấy ràng buộc với đất nước.

- Quan tâm lớn nhất của chúng ta là phải thiết lập dân chủ

bền vững và loại bỏ mọi cơ nguy có thể đưa tới sự tái lập một chế độ độc tài.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đề nghị một chế độ dân chủ đại nghị và tản quyền.

Lãnh thổ sẽ được qui định thành từ 10 đến 15 vùng, mỗi vùng gồm một số tỉnh hiện nay, có nghị viện và chính quyền riêng, được quyền tự quản, được quyền ban hành những đạo luật địa phương không mâu thuẫn với luật pháp quốc gia và được giao phó phần lớn trách nhiệm tư pháp và an ninh trật tự trong vùng.

Ngoại giao, quốc phòng và tiền tệ hoàn toàn thuộc chính quyền trung ương.

Cơ quan quyền lực cao nhất là quốc hội mà đại đa số dân biểu được bầu ra theo thể thức bầu cử đơn danh và một vòng.

Một thượng nghị viện sẽ đại diện cho các vùng, có quyền yêu cầu quốc hội xét lại các đạo luật và có quyền đề nghị và khuyến cáo đối với chính phủ.

Chính phủ do một thủ tướng đứng đầu. Thủ tướng do quốc hội bầu ra và chịu trách nhiệm trước quốc hội. Thủ tướng được quyền chỉ định các bộ trưởng.

Tổng thống là nguyên thủ quốc gia, không giữ một quyền hành cụ thể nào, có vai trò nghi thức, bảo đảm sự liên tục, ổn vững và đoàn kết của quốc gia.

Pháp viện tối cao có quyền phán quyết tính hợp hiến của các đạo luật, trọng tài những tranh tụng giữa các cơ quan quyền lực, chung thẩm các bản án của mọi tòa án và xét xử những cấp lãnh đạo cao nhất của nhà nước.

Các chính đảng được coi là thành tố cần thiết của sinh hoạt chính trị và được tài trợ do ngân sách quốc gia theo trọng lượng chính trị thể hiện qua các cuộc bầu cử, ngược lại bị cấm hoạt động kinh tài và nhận trợ giúp của các công ty.

Sách lược đấu tranh để chấm dứt độc tài và thiết lập dân chủ

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận định các điều kiện khách quan để cuộc vận động dân chủ thành công đã gần hội đủ, chỉ còn thiếu một yếu tố, cũng là yếu tố quan trọng nhất, là một kết hợp dân chủ có tầm vóc. Để giành thắng lợi cho dân chủ, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đề nghị một chiến lược đấu tranh gồm những công tác trọng điểm sau đây :

- Thức tỉnh dân chúng về sự cần thiết của một lối thoát chung cho đất nước. Thuyết phục quần chúng từ bỏ chủ nghĩa luồn lách, cam chịu chế độ và tìm giải pháp cá nhân để tự gỡ rối. Mọi người nên và phải tham gia vào cuộc vận động dân chủ vì nước và vì mình.

- Giành thắng lợi dứt khoát về mặt tư tưởng và lý luận. Bẻ gãy những lý luận ngụy biện gian trá chống dân chủ của tập đoàn độc tài ngoan cố và thuyết phục quần chúng rằng dân chủ không những cần thiết để bảo đảm tự do và phẩm giá cho mọi người mà còn là điều kiện không thể thiếu để phát triển đất nước ; dân chủ không hề đưa tới hỗn loạn mà còn là điều kiện bắt buộc để khôi phục lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm, bảo đảm trật tự an ninh lâu dài.

- Yểm trợ mạnh mẽ cuộc đấu tranh đòi dân chủ trong nước. Khuyến khích, tiếp tay và hỗ trợ để đưa cuộc đấu tranh cho dân chủ ở trong nước từ giai đoạn của những phản kháng cá nhân sang giai đoạn đấu tranh công khai có phối hợp và có tổ chức.

- Đẩy mạnh và gia tăng hiệu năng của các cố gắng động viên sự yểm trợ của thế giới cho cuộc vận động dân chủ. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đề nghị phối hợp các cố gắng ngoại vận trong tinh thần vận động cho thắng lợi chung và giới thiệu đối lập dân chủ Việt Nam trước thế giới như một giải pháp thay thế đáng tin cậy.

- Xúc tiến sự hình thành của một mặt trận dân chủ. Mặt trận dân chủ phải mở cửa cho mọi người dân chủ không phân biệt quá khứ chính trị, không phân biệt thành phần, nhưng ngược lại cũng chỉ mở cửa cho những người dân chủ thực sự. Mặt trận dân chủ sẽ đặc biệt hoan nghênh sự tham gia của những người dân chủ đã hoặc đang hiện diện trong đảng và nhà nước cộng sản. Khi chính quyền cộng sản đã nhượng bộ và chấp nhận luật chơi dân chủ, mặt trận sẽ hoạt động công khai và cơ quan lãnh đạo sẽ đặt ở trong nước. Chừng nào chính quyền cộng sản còn cấm đoán và đàn áp, các hoạt động sẽ kín đáo và cơ quan lãnh đạo sẽ đặt ở nước ngoài. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên sẽ dồn mọi cố gắng để đóng góp tích cực cho việc hình thành và phát triển của mặt trận dân chủ này trong tinh thần khiêm tốn và nhân nhượng.

- Mặt trận dân chủ sẽ tập trung mọi cố gắng và sáng kiến để vận động áp lực quần chúng trong nước và áp lực quốc tế buộc chính quyền cộng sản phải chấp nhận bầu cử tự do và sau đó sẽ phấn đấu để giành thắng lợi trong những cuộc bầu cử tự do đó.

- Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận định rằng tình hình Việt Nam đã gần chín muồi cho một chuyển biến hòa bình về dân chủ. Áp lực dân chủ hóa đang gia tăng nhanh chóng, chẳng bao lâu sẽ buộc chính quyền cộng sản phải nhượng bộ để tránh sụp đổ trong hỗn loạn. Trong cuộc vận động để gia tăng áp lực dân chủ hóa và để xây dựng mặt trận dân chủ, cộng đồng người Việt hải ngoại có vai trò chiến lược quyết định và cũng có khả năng để đảm nhiệm vai trò đó. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên khẳng định rằng đấu tranh để buộc chế độ cộng sản phải chấp nhận bầu cử tự do là một cuộc đấu tranh chắc chắn sẽ thắng lợi và trong đó những người dân chủ Việt Nam dù ở trong hay ngoài nước đều có vai trò quan trọng như nhau.

Cuộc đấu tranh giành dân chủ chắc chắn sẽ phải trải qua nhiều thỏa hiệp. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên sẵn sàng chấp nhận mọi thỏa hiệp có tác dụng làm gia tăng vận tốc tiến trình dân chủ hóa, nhưng sẽ không thể nhượng bộ trên ba điểm căn bản : lý tưởng dân chủ đa nguyên, tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, phương thức đấu tranh bất bạo động.

Chuyển tiếp về dân chủ

Chuyển tiếp từ một chế độ độc tài toàn trị, nhất nguyên, tập trung và chuyên quyền, đặt nền tảng trên quốc doanh, coi

thông tin và giáo dục như những dụng cụ tuyên truyền và nhồi sọ sang một chế độ dân chủ đa nguyên, tản quyền và phân quyền, lấy kinh tế thị trường và xí nghiệp tư làm nền tảng, coi thông tin và giáo dục như những phương tiện để khai phóng và thăng tiến là một công trình vừa cực kỳ khó khăn, vừa phải thực hiện nhanh chóng để không làm thất vọng những kỳ vọng của quần chúng, lại vừa cần mọi thận trọng để tránh đổ vỡ.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận định rằng đất nước sẽ cần một thời gian chừng năm năm trước khi sinh hoạt dân chủ thực sự đi vào nề nếp. Trong giai đoạn này chính quyền dân chủ sẽ phải giải quyết các vấn đề theo một thứ tự ưu tiên.

Chính trị

- Trả chính quyền về cho nhân dân : phi chính trị hóa guồng máy hành chính, quân đội và công an.

- Thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc. Cấm tuyệt đối mọi hành động trả thù báo oán. Lưu dụng mọi cán bộ công nhân viên và quân đội. Mọi thay đổi nhân sự phải thuần túy do lý do kỹ thuật. Phục hồi danh dự và bồi thường thiệt hại, ít nhất một cách tượng trưng cho nạn nhân của bạo lực và bất công trong quá khứ. Soạn thảo và đem biểu quyết qua trưng cầu dân ý một đạo luật về hòa giải và hòa hợp dân tộc.

- Bầu cử quốc hội lập hiến và ban hành một hiến pháp dân chủ cho Cộng Hòa Việt Nam. Hiến pháp sẽ thể hiện đầy đủ và quả quyết mọi quyền công dân, qui định chế độ dân chủ đại nghị tản quyền. Các đạo luật sẽ được rà soát lại để tu chính theo tinh thần dân chủ và bổ túc nếu cần. Án tử hình sẽ được bãi bỏ.

- Ngay khi tình hình tạm ổn vững, một đạo luật về tản quyền sẽ được đưa ra để quốc hội thảo luận và biểu quyết. Nguyên tắc chỉ đạo là các vùng phải khá thuần nhất về mặt địa lý, giao thông và chức năng kinh tế và phải có tầm vóc đủ để có thể tự quản và phát triển được.

Văn hóa xã hội

- Tăng cường trật tự an ninh. Cải tổ bộ máy an ninh, chuyển lực lượng công an chính trị sang tăng cường cho công tác bảo vệ trật tự.

- Khắc phục các tệ nạn xã hội. Nghiêm khắc và quả quyết bài trừ tham nhũng, buôn lậu và các băng đảng. Vận động sử hưởng ứng tối đa của báo chí và xã hội dân sự vào cố gắng lành mạnh hóa xã hội.

- Bãi bỏ hoàn toàn và vĩnh viễn mọi biện pháp kiểm duyệt, ban hành tự do báo chí và ngôn luận.

- Bảo đảm sự khách quan và đúng đắn tuyệt đối của các sách giáo khoa và qui định một trình độ văn hóa tối thiểu bắt buộc cho thanh niên, ít nhất tới hết lớp 9. Vận động sinh lực toàn quốc cho cố gắng văn hóa, giáo dục.

- Cải thiện môi trường và danh lam thắng cảnh. Chấm dứt nạn phá rừng, đánh bắt hải sản vô trách nhiệm, kiểm soát nghiêm túc cách xử lý các phế liệu.

- Chặn đứng tệ bán đất một cách mờ ám, vụ lợi cho người ngoại quốc, cho phép và khuyến khích người Việt hải ngoại mua nhà đất tại Việt Nam.

Kinh tế

- Giải tư đại bộ phận các xí nghiệp quốc doanh và tư hữu hóa ruộng đất. Việc giải tư các xí nghiệp quốc doanh sẽ được thực hiện nhanh chóng và hoàn tất sau hai năm. Chính sách tư hữu hóa ruộng đất sẽ hoàn tất sau năm năm.

- Khuyến khích tối đa đầu tư kể cả đầu tư nước ngoài. Bãi bỏ từng bước các đạo luật về đầu tư nước ngoài, ban hành một đạo luật kinh doanh áp dụng cho cả người Việt lẫn người ngoại quốc. Bãi bỏ những giấy phép đầu tư, qui định thời gian làm thủ tục mở công ty không thể quá hai tuần lễ.

- Đẩy mạnh sự phát triển của thị trường nội địa, đặc biệt khuyến khích tiểu thương. Đặt mục tiêu nông cao mức sống nông dân.

- Dồn cố gắng cho hai công trình giao thông chiến lược là xa lộ hóa quốc lộ Xuyên Việt và hiện đại hóa đường xe lửa Thống Nhất. Tân trang và khai thác cảng Cam Ranh như là một trong những công trình trọng điểm để phát triển miền Trung.

Đất nước sẽ vươn lên

Mặc dầu mọi đổ vỡ, phí phạm và chậm trễ, người Việt Nam vẫn có quyền lạc quan. Đất nước ta tuy có vấp ngã nhưng vẫn còn đủ sức để gượng dậy và đi tới.

Bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam với nhau. Long trọng xác nhận đất nước là của chung mọi người chứ không phải là của riêng một đảng hay một chủ nghĩa. Nhìn nhận chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Cởi bỏ những xiềng xích của hận thù và bất dung để nhìn nhau như anh em và quyết tâm cùng nhau xây dựng một tương lai chung. Tất cả những điều này chúng ta đều có thể làm và đều có thể làm ngay. Rồi chúng ta sẽ cùng nhau khám phá ra sự mầu nhiệm của những giá trị rất đơn giản như tự do, dân chủ, hòa hợp dân tộc.

Chế độ độc tài này sẽ là chế độ độc tài cuối cùng tại Việt Nam. Rũ bỏ được nó, đất nước ta sẽ vĩnh viễn đi vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tự do, dân chủ và bao dung, kỷ nguyên của những cố gắng chung và của thành công chung.

Làm người Việt Nam trong thế kỷ 20 đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ 21 sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hãnh diện.

Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của hận thù và chia rẽ, của óc độc quyền lẽ phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tình anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ hoang tàn và đổ nát.

Đó là giấc mơ Việt Nam mà trên thềm thế kỷ 21 Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên muốn chia sẻ với đồng bào trong và ngoài nước.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Một mình một chiếu

Đối tượng thù địch

Sau cuộc biểu tình chống Trung Quốc tại Hà Nội và Sài Gòn, thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng họp bộ tham mưu đặc biệt để duyệt xét báo cáo của một ủy ban đặc nhiệm phối hợp các chuyên viên cao cấp của Tổng Cục 1 và Tổng Cục 2, do thượng tướng Nguyễn Văn Hưởng chỉ đạo, về cách nhận diện và xử lý các đối tượng thù địch.

Mọi người vừa ngồi xuống, ông Dũng đã hỏi :

- Nguyễn Sinh Hùng cũng ngả theo bọn Sang, Trọng chống chính quyền rồi sao ?

Ông Nguyễn Xuân Phúc đáp :

- Hùng là tên lắt léo cơ hội, hắn hy vọng nếu hạ được anh Dũng hắn sẽ được chức thủ tướng. Vừa rồi hắn tức tối vì bị ta khóa mõm trong kỳ họp quốc hội. Ta đã kiểm soát được đại bộ phận quốc hội rồi, hắn không còn cựa quậy gì được nữa. Dĩ nhiên bọn Sang Trọng chưa chịu thua, nhất là thằng Sang. Bọn chúng còn nhiều âm mưu lắm nhưng chưa chắc bọn chúng sẽ làm được gì nếu không có hậu thuẫn. Ta cần nhận diện và xử lý các thành phần thù địch tiềm năng, chính vì thế mà tôi đã đề nghị anh Hưởng thành lập ủy ban đặc nhiệm này. Hôm nay báo cáo đã hoàn tất, đề nghị các anh cùng tham khảo. Xin anh Hưởng cho biết nội dung báo cáo.

Mọi người đồng ý và cùng nhìn xuống tài liệu trước mặt. Ông Hưởng nói :

- Bọn Sang, Trọng đã câu kết được một bộ phận không nhỏ trong bộ chính trị để chống ta nhưng chúng ta đã kiểm soát được công an, quân đội, và đa số trong trung ương đảng rồi. Chúng sẽ chẳng làm gì được nếu không có hậu thuẫn ngoài bộ máy đảng và nhà nước. Không nên coi thường khả năng này bởi vì hiện nay, do nhiều ảnh hưởng tiêu cực, đại bộ phận quần chúng thù ghét chính quyền. Sự thù ghét này nếu được động viên sẽ rất nguy hiểm. Chính vì thế mà những kết luận của báo cáo cần được chú ý đặc biệt.

Sau đó ông Hưởng trình bày nội dung báo cáo.

Theo báo cáo thì thành phần ra mặt chống đối đòi dân chủ và nhân quyền luôn luôn có nhưng không nguy hiểm, vì vừa ít vừa bị nhận diện rõ ràng và bị cô lập, các thành phần trí thức có uy tín không dám tiếp cận. Phần lớn, nếu không muốn nói là tất cả, các trí thức có địa vị quan trọng trong xã hội đều rất hèn nhát, ngay cả khi bất mãn cũng chỉ dám ngụy trang dưới những phát biểu được coi là không nguy hiểm cho an ninh cá nhân. Do đó báo cáo nhấn mạnh sự cần thiết nhận diện những chống đối ngụy trang.

Thành phần nguy hiểm đầu tiên dễ nhận diện là bọn ca tụng chủ nghĩa Mác-Lênin. Báo cáo nói rằng luận điệu này chỉ bộc lộ một thái độ giả dối xỏ xiên vì không còn ai thực sự tin ở chủ nghĩa Mác-Lênin nữa. Ngay chính ban lý luận trung ương cũng chỉ nhắc đến cho có lệ, bởi vì ta chưa tuyên bố bỏ chủ nghĩa này thôi. Những kẻ còn nói rằng chủ nghĩa Mác-Lênin là lý tưởng của chế độ ta chỉ có mục đích duy nhất là lố bịch hóa chính quyền ta mà thôi. Chúng là thành phần chống đối có thâm tín nhất và không thể giáo dục được nữa, dứt khoát phải trừng trị.

Thành phần thù địch thứ hai là bọn đề cao tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh. Báo cáo viết : "*Chúng ta đều biết là Hồ Chí Minh chẳng có đạo đức nào và cũng chẳng có tư tưởng nào cả. Đó chỉ là một huyền thoại mà đảng ta dựng lên trong giai đoạn chiến tranh để tranh thủ quần chúng. Ngày nay huyền thoại này đã hoàn toàn sụp đổ, không những thế thần tượng Hồ Chí Minh còn đã trở thành trò cười*". Báo cáo kết luận chỉ có hai loại người đề cao đạo đức và tư tưởng Hồ Chí Minh, những cán bộ lão thành lẩm cẩm và bọn đểu muốn lợi dụng biểu tượng Hồ Chí Minh để chống lại chính quyền một cách an toàn. Báo cáo đánh giá thành phần cán bộ lão thành không nguy hiểm, cùng lắm họ chỉ làm trò cười, nhưng thành phần đểu thì phải trừng trị đích đáng. Báo cáo cũng cảnh giác chính quyền không nên đề cao Hồ Chí Minh nữa vì như thế là vô tình yểm trợ cho Nguyễn Sinh Hùng, vì Hùng là cháu Hồ Chí Minh trong khi Hùng đã trở mặt chống lại thủ tướng.

Thành phần thù địch thứ ba được báo cáo nhận diện là các đối tượng đòi chấn chỉnh lại đảng. Báo cáo nhận định rằng các đối tượng này là bọn ba que xỏ lá, chỉ mượn cớ làm sạch đảng để chống lại chính phủ và cá nhân thủ tướng, họ thừa biết là đảng đã bị vô hiệu hóa và không thể phục hồi lại nữa. Chế độ hiện nay chỉ là chính phủ và thủ tướng. Bọn này nguy hiểm vì là những kẻ thù ở bên trong và vì thế rất khó tiêu diệt.

Thành phần được đánh giá là nguy hiểm nhất hiện nay là thành phần chống Trung Quốc. Báo cáo nhận định tinh thần chống Bắc Kinh hiện nay đang lên rất cao và đang được các thế lực thù địch khai thác tận tình. Báo cáo viết : "*Lợi dụng tâm lý chống Trung Quốc, chúng kêu gọi biểu tình nhưng thực tế là chúng tập trận tổ chức biểu tình. Nếu ta không cảnh giác để chúng động viên được những cuộc biểu tình lớn thì chắc chắn chúng sẽ chuyển sang chống chính quyền và tạo ra một tình trạng tương tự như tại các nước Trung Đông và Bắc Phi*". Báo cáo nhận định là tuy chính quyền đã trừng trị nghiêm khắc bọn kêu gọi chống Trung Quốc, như Nguyễn Xuân Nghĩa, Phạm Thanh Nghiên, Điếu Cày v.v., nhưng vẫn chưa đủ, cần nghiêm khắc hơn nữa. Báo cáo nhấn mạnh : "*Chúng ta đã nhận định đúng là Trung Quốc tuy bá quyền nhưng cũng là xã hội chủ nghĩa và đã chọn hợp tác toàn diện với Trung Quốc, quyền lợi của Trung Quốc và ta gắn kết chặt chẽ với nhau, chống Trung Quốc cũng là chống chế độ*".

Trong phần thảo luận sau đó ông Trần Đại Quang cho rằng cần có ngay một nghị định quản chế những phần tử chống Trung Quốc. Ông Nguyễn Xuân Phúc và ông Nguyễn Chí Vịnh đồng ý phải có một nghị định như thế vì thực trạng hiện nay là mọi người Việt Nam đều chống Trung Quốc. Thủ tướng kết luận phải quản chế toàn dân vì nhân dân Việt Nam chính là thế lực thù địch lớn nhất.

Đáy

MỤC LỤC

1. Năm mới, giai đoạn mới — Nguyễn Văn Huy

2. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã chết — Nguyễn Gia Kiểng

3. Quyền con người — Nguyễn Gia Kiểng

6. Giã từ báo giấy Thông Luận — Việt Hoàng

8. Hùng Vương, huyền thoại hay sự thật ? — Nguyễn Văn Huy

12. Giấc mơ Việt Nam — Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

16. Đối tượng thù địch — Đáy